

LỜI GIỚI THIỆU

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, diễn ra từ ngày 12 đến ngày 14/10/2020, tại thành phố Nha Trang. Đại hội là sự kiện có ý nghĩa chính trị đặc biệt quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Khánh Hòa, thể hiện quyết tâm chính trị to lớn của toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh.

Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về biên soạn tài liệu học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp các báo cáo về 3 vùng kinh tế trọng điểm, 4 chương trình kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng, biên tập thành tài liệu “Báo cáo tổng kết các Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển

kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng”. Tài liệu giúp cho đội ngũ báo cáo viên; giảng viên giảng dạy lý luận chính trị của trường đại học, cao đẳng trực thuộc tỉnh; Trường chính trị, trung tâm chính trị các huyện ủy, thị ủy và thành ủy... bổ sung thêm tư liệu, minh họa, làm rõ thêm các nội dung trong các văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 08-NQ/TU,
09-NQ/TU, 10-NQ/TU, NGÀY 11/7/2016 CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII) VỀ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN
KHU KINH TẾ VÂN PHONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG VÀ KHU VỰC
VỊNH CAM RANH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC
NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ
HỘI KHU VỰC KHU KINH TẾ VÂN PHONG,
THÀNH PHỐ NHA TRANG VÀ KHU VỰC
VỊNH CAM RANH**

**1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 08-
NQ/TU về phát triển Khu kinh tế Vân Phong
giai đoạn 2016-2020**

1.1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu

- Về phát triển khu vực Bắc Vân Phong:
Do thực hiện chủ trương xây dựng Đơn vị hành
chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong nên thời

gian qua tỉnh tạm thời hạn chế thu hút đầu tư vào khu vực Bắc Vân Phong, vì vậy khu vực này phát triển chưa được như kỳ vọng.

- Về phát triển khu vực Nam Vân Phong: Đã tích cực thu hút đầu tư theo quy hoạch, phát triển rõ nét theo định hướng trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển như mục tiêu nghị quyết đề ra. Đến hết tháng 7/2020, số dự án thu hút là 94 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 78.680,7 tỷ đồng (3,57 tỷ USD), vốn thực hiện khoảng 23.753,8 tỷ đồng (1,08 tỷ USD).

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, Khu kinh tế Vân Phong đã thu hút mới 41 dự án (33 dự án trong nước và 08 dự án có vốn đầu tư nước ngoài), điều chỉnh tăng vốn cho 14 dự án (10 dự án trong nước và 04 dự án có vốn đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đăng ký 64.167 tỷ đồng, vượt mục tiêu nghị quyết đề ra (tối thiểu đạt 50.000 tỷ đồng), vốn giải ngân đạt 16.464 tỷ đồng, đạt 41% so với mục tiêu nghị quyết đề ra (tối thiểu đạt 40.000 tỷ đồng). Lũy kế đến nay, Khu kinh tế Vân Phong đã thu hút 158 dự án đầu

tư với tổng số vốn đăng ký khoảng 4,1 tỷ USD, vốn thực hiện khoảng 1,15 tỷ USD, đạt 28% vốn đăng ký. Đóng góp thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế đạt khoảng 20.950 tỷ đồng, chiếm khoảng 26,6% của tỉnh (nghị quyết đề ra chiếm khoảng 30-40%); giá trị công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 32,85% của tỉnh (nghị quyết đề ra chiếm khoảng 40%); giải quyết việc làm cho 6.251 lao động (nghị quyết đề ra khoảng 10.000-12.000 người).

1.2. Về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về *xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo xây dựng đề án Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong. Tuy nhiên, dự thảo Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chưa được Quốc hội thông qua. Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương tạm dừng triển khai việc lập quy hoạch Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong cho đến khi Luật Đơn

vị hành chính - kinh tế đặc biệt được Quốc hội thông qua.

Việc đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2016-2020 chủ yếu tập trung xây dựng hoàn thiện các dự án hạ tầng đường giao thông, từng bước góp phần hoàn chỉnh các trục giao thông chính trong Khu kinh tế, trước mắt đã hỗ trợ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về hạ tầng giao thông kết nối cho một số dự án lớn, dự án động lực nhất là khu vực phía Nam của Khu kinh tế Vân Phong. Trong đó, đã hoàn thành xây dựng, nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự án Cải tuyến Tỉnh lộ 1B (giai đoạn 2); đường vào Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong; đường giao thông từ Tỉnh lộ 1A đến Khu tái định cư Xóm Quán, cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Xóm Quán. Đang tiếp tục triển khai thi công xây dựng dự án đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Đầm Môn, trong đó hạng mục đường giao thông đã hoàn thành trên 55% khối lượng.

Tiến độ triển khai một số dự án đầu tư trọng điểm tại Khu kinh tế như sau:

- *Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (2,58 tỷ USD)*: Nhà đầu tư đã thành lập Công ty BOT để quản lý, vận hành dự án. Đến nay, các hợp đồng BOT, hợp đồng mua bán điện và hợp đồng thuê đất đã được ký kết, nhà đầu tư đang triển khai công tác xây dựng dự án.

- *Dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Nam Vân Phong (4,8 tỷ USD)*: Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản đồng ý không tiếp tục triển khai dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Nam Vân Phong. Hiện khu vực này đang có một số nhà đầu tư quan tâm đề xuất dự án điện khí.

- *Cảng tổng hợp Nam Vân Phong (tàu 50.000 DWT) và Bắc Vân Phong (tàu 50.000 DWT)*: Hiện nay, cả 02 dự án đã hoàn thành xây dựng xong cầu cảng và tiếp nhận một số tàu vào xếp, dỡ hàng hóa.

- *Dự án Khu công nghiệp Ninh Thủy (207,9 ha)*: Chủ đầu tư đã hoàn tất xây dựng một số hạng mục công trình hạ tầng quan trọng. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng của dự án hiện nay vẫn còn chậm nên việc triển khai đầu tư các hạng mục công trình hạ tầng chưa đồng bộ.

Nhìn chung, kết quả thu hút đầu tư trên chủ yếu tập trung tại khu vực Nam Vân Phong (thị xã Ninh Hòa), khu vực này tiếp tục được nhiều nhà đầu tư như: Tập đoàn Petrolimex, Tập đoàn Sumitomo, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn thương mại Tuấn Dung và nhiều tập đoàn lớn từ Hàn Quốc, Mỹ, đang tiếp tục khảo sát và đề xuất các dự án công nghiệp lớn trong lĩnh vực điện khí, kho khí hóa lỏng LNG, KCN,... tại các khu vực như: khu phát triển công nghiệp Ninh Hải, Ninh Tịnh, dốc Đá Trắng. Tình hình phát triển trên phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển khu vực Nam Vân Phong theo Nghị quyết 08-NQ/TU. Đối với khu vực Bắc Vân Phong, do thực hiện Đề án thành lập Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, từ năm 2016, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tạm dừng xem xét, thu hút các dự án đầu tư mới, mặc dù có nhiều nhà đầu tư đăng ký thực hiện các dự án lớn tại đây nên khu vực Bắc Vân Phong gần như giữ nguyên trạng.

Qua 03 năm triển khai Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong và

các sở, ngành, địa phương liên quan (*theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND, ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh*), việc phối hợp cơ bản đã được cải thiện, tạo điều kiện để Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở rà soát, đánh giá những ưu điểm và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền phụ trách giữa các cơ quan liên quan, đồng thời so sánh với các tỉnh lân cận, UBND tỉnh sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với các quy định hiện hành, nhất là sau khi các Bộ, ngành liên quan có văn bản hướng dẫn triển khai Nghị định số 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội khu vực vịnh Cam Ranh đến năm 2020

2.1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu

- Cơ cấu kinh tế khu vực vịnh Cam Ranh (bao gồm thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm) chuyển dịch đúng hướng: Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm - thủy sản. Đối với thành phố Cam Ranh, năm 2019 công nghiệp -

xây dựng chiếm tỷ trọng 52,7%, dịch vụ chiếm tỷ trọng 29,8%, nông - lâm - thủy sản chiếm 17,5%, ước đến năm 2020, cơ cấu tương ứng là 53,1%, 29,4%, 17,5%; đối với huyện Cam Lâm, cơ cấu tương ứng năm 2019 là 67,5%; 25,5%; 7% và ước năm 2020 là 65,4%; 28% và 6,6%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực vịnh Cam Ranh năm 2019 chiếm 30,2% và ước năm 2020 chiếm khoảng 33,8% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh (nghị quyết đề ra chiếm 45%); giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản của khu vực vịnh Cam Ranh năm 2019 chiếm 25,7% và ước năm 2020 chiếm trên 25% tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh (nghị quyết đề ra là chiếm 25%).

- Đến hết năm 2019, khu vực vịnh Cam Ranh có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự kiến năm 2020, khu vực có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo mục tiêu nghị quyết đề ra.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2019 của khu vực đạt 80,2%, ước đến cuối năm 2020 đạt 81% (nghị quyết đề ra là đạt trên 80%),

trong đó tỷ lệ lao động đào tạo nghề đến cuối năm 2019 đạt 65% và ước đến cuối năm 2020 đạt 65,5% (nghị quyết đề ra là đạt trên 60%). Thực hiện bình quân mỗi năm về số lao động có việc làm tăng thêm giai đoạn 2016 - 2019 đạt 2.469 người, giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 2.485 người (nghị quyết đề ra là đạt trên 2.200 lao động). Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020) đến cuối năm 2019 là 1,88%, ước đến cuối năm 2020 giảm còn 1,09%, mức giảm bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 1,95%/năm (nghị quyết đề ra là 1,5 - 2%/năm). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm đến cuối năm 2019 đạt 90,6%, ước đến cuối năm 2020 đạt trên 90% (nghị quyết đề ra là đạt 90%).

- Về mục tiêu hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trong khu vực vịnh Cam Ranh: Tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND, ngày 06/9/2016, UBND tỉnh đã đề ra danh mục 46 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, tính đến thời điểm hiện nay đã hoàn thành 15 dự án (32,6%), đang triển khai 16 dự án (34,8%), chưa triển khai 15 dự án (32,6%)

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện Cam Lâm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 24/7/2019; đối với thành phố Cam Ranh đang được tiến hành thẩm định và phê duyệt. Đã tiến hành rà soát và lập các quy hoạch phân khu 1/2000 trên địa bàn vịnh Cam Ranh để làm cơ sở quản lý đô thị và kêu gọi đầu tư. Nhìn chung các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu đô thị, khu chức năng đều đã phát huy hiệu quả, đảm bảo định hướng phát triển khu vực vịnh Cam Ranh trong tương lai.

Khu công nghiệp Suối Dầu với diện tích 136,73 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 93%; thu hút được 55 dự án đầu tư (37 dự án trong nước, 18 dự án có vốn đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đăng ký đầu tư 265,57 triệu USD, vốn đầu tư thực hiện 171,1 triệu USD (đạt 64,42% vốn đăng ký); trong đó có 40 dự án đi vào hoạt động, với tổng vốn đăng ký 210,65 triệu USD, giải quyết việc làm cho 11.947 lao động.

Đối với Dự án Khu công nghiệp Nam Cam Ranh, Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Vinhomes đã có văn bản đề xuất được tiếp cận, nghiên cứu đầu tư dự án. Cụm công nghiệp (CCN) Trảng É 1 (35,3 ha) đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đi vào hoạt động và đã thu hút được 5 dự án thứ cấp; CCN Trảng É 2 (46 ha) đang tiến hành san lấp mặt bằng; CCN Tân Lập (40 ha) đang triển khai kêu gọi các nhà đầu tư, hiện nay đã có một số nhà đầu tư quan tâm, đang lập hồ sơ tham gia đấu thầu.

Ngoài ra, trên địa bàn khu vực vịnh Cam Ranh có 07 dự án điện mặt trời, trong đó có 05 dự án đã được nghiệm thu đóng điện vận hành thương mại trước ngày 30/6/2019, qua đó đã đóng góp rất lớn cho việc nâng công suất điện năng, giải quyết việc làm và tạo động lực phát triển kinh tế của địa phương.

Mục tiêu: “*đến năm 2020, phấn đấu đạt 50% trên tổng số các dự án du lịch đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đưa vào hoạt động*” dự kiến không đạt theo nghị quyết đề ra. Tuy nhiên, hiện

nay đã có 40 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đầu tư khoảng 29.051 tỷ đồng, 11/40 dự án (chiếm tỷ lệ 27,5% số dự án) đi vào hoạt động; trong đó, 06 dự án đã hoàn thành toàn bộ và đưa vào khai thác, có 02 dự án đi vào khai thác giai đoạn 1 và đang xây dựng giai đoạn 2, 03 dự án đi vào khai thác giai đoạn 1 và chưa xây dựng giai đoạn 2... với quy mô khoảng 5.000 phòng tiêu chuẩn từ 3 đến 5 sao, đã thu hút lượng khách du lịch ngày càng tăng đến với khu vực vịnh Cam Ranh. Dự kiến đến cuối năm 2020, sẽ có thêm 5 dự án đi vào hoạt động, nâng tổng số dự án đi vào hoạt động là 16 dự án (40% dự án), với tổng số buồng phòng đưa vào khai thác khoảng 9.000 buồng phòng. Nhiều công trình đầu tư hạ tầng du lịch dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2020: Hệ thống tuyến đường nhánh giai đoạn 2, Hệ thống thoát nước mưa giai đoạn 2, Hệ thống thu gom và xử lý nước thải...

Ngoài ra, khu vực vịnh Cam Ranh hiện nay có cảng Cam Ranh là cảng thương mại quốc tế, là đầu mối giao thông đường biển quan trọng

của khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Cảng có 2 bến tàu, năng suất xếp dỡ khoảng 2,5 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, hiện nay khối lượng hàng thông qua Cảng đã vượt mức quy hoạch (năm 2019 là 2,97 triệu tấn), vì vậy tỉnh đang trình Bộ Giao thông vận tải và Cục Hàng hải Việt Nam về chủ trương xin nâng cấp cảng Cam Ranh, dự kiến triển khai hoàn thành trong giai đoạn 2019 - 2021. Dự án Nhà ga hành khách quốc tế Cam Ranh đã hoàn thành, đưa vào sử dụng. Năm 2019, lượng hành khách thông qua Cảng hàng không Cam Ranh đạt trên 10 triệu lượt khách. Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đã giao Cục Hàng không Việt Nam nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, để đảm bảo công suất thiết kế phù hợp với tình hình thực tế và Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không được duyệt.

Đã triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tiếp tục công tác chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ trong chăn nuôi.

Khu vực vịnh Cam Ranh hiện nay là vùng chăn nuôi heo và gà trọng điểm của tỉnh: Tổng đàn heo khoảng 178.000 con, tổng đàn gà khoảng 940.000 con được nuôi trong các trang trại chăn nuôi công nghiệp, dưới hình thức liên kết với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Đã hình thành và phát triển vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè với số lượng lồng nuôi hiện tại khoảng 35.000 lồng.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2642/QĐ-UBND, ngày 06/9/2016, trong đó đã cụ thể hóa 46 danh mục dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhằm tạo động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của khu vực vịnh Cam Ranh. Nhiều công trình giao thông tại khu vực vịnh Cam Ranh đã hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng. Bên cạnh đó, Tỉnh đang phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm và Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến

Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020. Ngoài ra, các dự án về hạ tầng cấp điện, cấp nước, phát triển nông nghiệp và ứng phó biến đổi khí hậu cho khu vực vịnh Cam Ranh đã hoàn thành, cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện năng, nước của nhân dân và các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Dự án Khu dân cư và tái định cư N3 với diện tích khoảng 13,5 ha để bố trí tái định cư cho 310 hộ dân cũng hoàn thành.

Đến hết năm 2019, trên địa bàn khu vực vịnh Cam Ranh có 82/106 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 77,35%. Dự kiến đến hết năm 2020, có 89/107 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 83,2%. Hiện nay, một số dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục đang triển khai đầu tư như: Trường THPT Nam Cam Ranh (dự kiến hoàn thành trong năm 2021), Trường THPT Cam An Nam, Trường THCS Lê Hồng Phong (dự kiến hoàn thành trong năm 2020).

Bên cạnh đó, tỉnh đã bố trí cho 02 Trường Trung cấp nghề Cam Ranh và Cam Lâm khoảng 5,5 tỷ đồng để thực hiện đầu tư trang thiết bị đào tạo và sửa chữa cơ sở vật chất cho các nghề

trọng điểm. Nhìn chung, chương trình đào tạo nghề thực hiện theo đúng định hướng phát triển của vùng, ưu tiên đào tạo nhóm nghề dịch vụ, du lịch, dịch vụ hậu cần nghề cá, công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu thủy, chế biến thủy sản,... đồng thời chú trọng đẩy mạnh công tác xã hội hóa lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, thực hiện mở rộng và đầu tư phát triển mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở dạy nghề.

Trung tâm (Trạm) Kiểm dịch y tế quốc tế tại Cảng hàng không Cam Ranh đã triển khai thi công, hoàn thành và đưa vào hoạt động trong quý IV/2019. Hiện nay, toàn khu vực vịnh Cam Ranh, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%.

Tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư vào cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người dân trong khu vực.

Thực hiện tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, nạo vét, khơi thông dòng chảy và thu hồi

khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc sử dụng đất đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống ven đầm Thủy Triều; hoàn thành và đưa vào sử dụng lò đốt rác tại xã Cam Bình.

Khu vực vịnh Cam Ranh là địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh nên công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đặc biệt chú trọng. Các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động; thường xuyên tổ chức diễn tập tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, diễn tập phòng thủ; đấu tranh và ngăn chặn các loại tội phạm; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu từ thành phố đến xã, phường. UBND thành phố Cam Ranh và UBND huyện Cam Lâm phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh, Vùng 4 Hải quân thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng trong khu vực vịnh Cam Ranh, tích cực phối hợp với các đơn vị trên địa bàn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội thành phố Nha Trang

3.1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu

- Cơ cấu kinh tế của thành phố Nha Trang chuyển dịch đúng hướng: Dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, nông - lâm - thủy sản. Đến hết năm 2019, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 65,75%, công nghiệp - xây dựng chiếm 31,25%, nông - lâm - thủy sản chiếm 3%; ước đến hết năm 2020 vẫn duy trì cơ cấu theo tỷ trọng trên.

- Giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố năm 2019 chiếm 32,5% và ước năm 2020 chiếm 32,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh (nghị quyết đề ra đến năm 2020 chiếm 30%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực hiện năm 2019 chiếm 44,3% và ước năm 2020 chiếm 42,3% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của toàn tỉnh (nghị quyết đề ra đến năm 2020 chiếm 40%). Doanh thu hoạt động du lịch thực hiện năm 2019 chiếm 85,7% và ước năm 2020 chiếm 85,5% tổng doanh thu

du lịch của toàn tỉnh (nghị quyết đề ra đến năm 2020 chiếm 90%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2019 của thành phố Nha Trang đạt 82,8%, ước đến cuối năm 2020 đạt 87% (nghị quyết đề ra đến năm 2020 là đạt trên 87%), trong đó tỷ lệ lao động đào tạo nghề đến cuối năm 2019 đạt 56,8%, ước đến cuối năm 2020 đạt 60% (nghị quyết đề ra đến năm 2020 là đạt trên 60%). Số lao động có việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2016-2019 là 5.189 người, ước giai đoạn 2016-2020 là 5.511 người (nghị quyết đề ra là đạt trên 5.500 lao động). Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020) đến cuối năm 2019 là 0,45%, ước đến cuối năm 2020 đạt 0,32%; mức giảm bình quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 0,36% (nghị quyết đề ra đến cuối năm 2020, tỷ lệ giảm nghèo còn dưới 0,6%, mức giảm bình quân mỗi năm giảm 0,3%). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối năm 2019 đạt 89,1%; ước đến cuối năm 2020 đạt trên 90% (nghị quyết đề ra đến năm 2020 là 90%).

- Đến hết năm 2019, thành phố Nha Trang có 7/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nghị quyết đề ra. (Riêng đối với xã Vĩnh Thái do đang triển khai Đề án phân loại đô thị loại V nên không nằm trong danh sách xã tham gia Chương trình xây dựng Nông thôn mới).

- Mục tiêu hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ: Đã hoàn thành 11 dự án (26,8%), đang triển khai 26 dự án (63,4%), chưa triển khai 4 dự án (9,8%).

- Mục tiêu 100% các cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội được số hóa và quản lý sử dụng trong các hệ thống thông tin: Đưa vào khai thác, sử dụng 08/13 cơ sở dữ liệu nền; 08/16 phần mềm nội bộ, trong đó phần mềm Quản lý cấp phép xây dựng đô thị ứng dụng GIS bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang khai thác, sử dụng từ tháng 12/2019. Dự kiến triển khai hoàn thành các hạng mục còn lại của dự án trong năm 2020.

3.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Khu vực thành phố Nha Trang đã được phủ kín quy hoạch phân khu 1/2000 đạt 97,3%; trong đó, khu vực trung tâm đô thị gồm các phường

Lộc Thọ, Tân Lập, Phước Tiến chưa có quy hoạch phân khu. UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của thành phố Nha Trang tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND, ngày 12/6/2019.

Đến nay, thành phố Nha Trang đã thu hút 130 dự án du lịch, với tổng vốn đầu tư khoảng 71.613,77 tỷ đồng, chủ yếu các dự án nằm dọc đường Trần Phú, đường Phạm Văn Đồng, khu vực Tây Nam đảo Hòn Tre, đảo Hòn Một,...; trong đó có 38 dự án du lịch đi vào hoạt động, với tổng vốn đầu tư là 47.644,17 tỷ đồng.

Cơ sở hạ tầng thương mại từng bước được đầu tư xây dựng và phát triển hoàn thiện, tính đến nay trên địa bàn thành phố Nha Trang có 24 chợ (03 chợ hạng 1, 02 chợ hạng 2, 19 chợ hạng 3) và 07 trung tâm thương mại, 09 siêu thị kinh doanh tổng hợp và siêu thị chuyên danh, đại lý, cửa hàng bán lẻ, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân và du khách.

Các dự án khu đô thị như: Khu đô thị VCN Phước Hải; khu đô thị VCN - Phước Long I, khu

đô thị VCN - Phước Long II; khu đô thị An Bình Tân; khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, II; khu đô thị Mỹ Gia;... đã hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khớp nối đồng bộ với đô thị hiện hữu, chuyển sang khai thác kinh doanh. Đang tích cực đẩy nhanh hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai thi công đối với các dự án khu dân cư dọc bờ Nam Sông Cái và các khu dân cư, khu đô thị phía Tây Nha Trang kết nối với Diên Khánh... nhằm giãn dân nội thành, hình thành các đô thị vệ tinh và phát triển du lịch ven sông.

Tiếp tục thực hiện đầu tư, xây dựng Cảng Nha Trang theo hướng chuyển đổi công năng là cảng đầu mối du lịch quốc tế hiện đại, chỉ phục vụ khách tham quan, du lịch.

Việc ngầm hóa hệ thống các tuyến cáp viễn thông, Internet, truyền hình cáp đã được triển khai đồng bộ với việc thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, đảm bảo mỹ quan tại các khu đô thị và khu tái định cư. Tuy nhiên, hầu hết hạ tầng kỹ thuật viễn thông, điện được hạ ngầm chủ yếu bằng hình thức chôn trực tiếp ống luồn cáp; chủ đầu tư chưa đầu tư hệ thống tuy nện kỹ thuật,

hào kỹ thuật để hạ ngầm, đảm bảo thuận tiện trong công tác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa.

Đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Đề án xây dựng thành phố “Đô thị văn minh - Công dân thân thiện” giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án không có người lang thang, xin ăn trên địa bàn thành phố Nha Trang giai đoạn 2015-2020.

Cụm công nghiệp Đắc Lộc đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, có 18 doanh nghiệp đăng ký thuê đất và đã lấp đầy 100% diện tích, trong đó có 17 đơn vị đã đi vào hoạt động và giải quyết việc làm cho 1.250 lao động. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khatoco đã thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Trảng É 1 và hiện nay đang triển khai các thủ tục đầu tư để di dời Nhà máy thuốc lá Khatoco vào Cụm công nghiệp. Dự án Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung thành phố Nha Trang (giai đoạn 1) không đáp ứng tiêu chuẩn khoảng cách tối thiểu đối với khu dân cư, nghĩa trang, sông, suối nên đã tạm dừng.

Tiếp tục làm tốt công tác hỗ trợ tạo điều kiện ngư dân đánh bắt xa bờ, thực hiện tốt mô hình đánh bắt cá Ngừ theo chuỗi. Công tác quản lý lồng bè sau quy hoạch được quan tâm, tăng cường quản lý, thường xuyên kiểm tra xử lý các lồng bè có hành vi cơi nới, mở rộng ô, lồng. Hiện nay, thành phố Nha Trang đã hình thành và ổn định vùng nuôi trồng thủy sản trên biển tại phường Vĩnh Nguyên theo vùng được quy hoạch, số lượng ô lồng hiện có trên vịnh là 4.056 ô lồng, trên 97% tổng số bè nuôi trồng hải sản đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể.

Nhiều công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố Nha Trang đã hoàn thành, đưa vào hoạt động, góp phần tạo động lực phát triển chung đối với toàn tỉnh, cụ thể: Dự án đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Bá Quát - Cầu Lùng) và đường Phong Châu; đường Nguyễn Thiện Thuật nối dài, đường Trần Nhật Duật nối dài; đường số 4, 02 cầu vượt trên Quốc lộ 1, các nút giao với đường Quốc lộ 1C tại đèo Rù Rì và ngã ba Thành...

Hệ thống thoát lũ từ cầu Phú Vinh về đầu sông Tắc; Chinh trị hạ lưu sông Tắc - sông Quán Trường hoàn thành đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân tại khu vực nội thị; dự án Môi trường các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang đang được tích cực đẩy nhanh tiến độ triển khai. Dự án Hồ chứa nước Đắc Lộc dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2021; dự án Đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang, Kè bờ phường Vĩnh Nguyên đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và đang tiến hành triển khai thi công. Các dự án trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được triển khai.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Nha Trang đang triển khai các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư nhằm phục vụ cho công tác tái định cư cho người dân, cụ thể: Khu tái định cư Hòn Rổ II dự kiến hoàn thành trong năm 2021; khu tái định cư Phước Hạ đã hoàn thành giai đoạn 1 trong năm 2016; khu tái định cư Ngọc Hiệp dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

Quy mô và chất lượng giáo dục - đào tạo tiếp tục được phát triển toàn diện ở các ngành học, cấp học. Đến nay, trên địa bàn thành phố Nha Trang có 53/100 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 48,2%. Các cơ sở giáo dục - đào tạo và dạy nghề tiếp tục được triển khai xây dựng, đầu tư nâng cấp. Xây dựng hoàn thành cơ sở thực hành Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Trường THCS Lý Thái Tổ, Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu và đã đưa vào sử dụng vào năm 2016; Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, Trường THCS Vĩnh Thái hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2018. Bên cạnh đó, đã triển khai thực hiện tốt Đề án xã hội hóa cơ sở vật chất giáo dục mầm non thành phố Nha Trang giai đoạn 2017-2020. Trường Đại học Khánh Hòa được thành lập năm 2015. Đến nay, Trường đã mở được 10 ngành đào tạo đại học với 11 chuyên ngành, định hướng phát triển là Trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang, quy mô đào tạo hiện nay là 3.000 sinh viên.

Ngành Y tế chủ động điều tra, giám sát dịch và thực hiện biện pháp phòng chống không để dịch bệnh lây lan, đẩy mạnh công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh. Hạ tầng y tế trên địa bàn thành phố Nha Trang tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển toàn diện theo quy hoạch được phê duyệt. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án: Cụm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đặt tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, với công suất 200m³/ngày đêm, thuộc dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện. Đã khởi công xây dựng dự án Bệnh viện Đa khoa Nha Trang.

Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ theo quy hoạch được duyệt. Dự án Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đang triển khai ở giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng,... Đã triển khai nhiệm vụ xây dựng Khu công nghệ cao phía Tây thành phố Nha Trang, đến nay, trên cơ sở thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, đang tiến hành hoàn chỉnh dự

thảo Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh Khánh Hòa theo phương án phát triển Khu công nghệ cao trong khu vực Bắc Vân Phong, trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

Đến nay, thành phố Nha Trang đã bảo đảm được 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch và 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ thu gom rác thải toàn thành phố đạt 82%.

UBND thành phố Nha Trang đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, lực lượng vũ trang trên địa bàn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự. Tiếp tục thực hiện Đề án đảm bảo trật tự an toàn xã hội cho các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Nha Trang giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020, đã đầu tư xây dựng Trung tâm thông tin chỉ huy và tiếp nhận, xử lý tin báo có liên quan đến an ninh trật tự thông qua đường dây nóng (3.510.144); đã triển khai thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý người nước ngoài qua Internet.

Triển khai Đề án xây dựng ngầm đô thị, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (khu vực nội thành), thành phố Nha Trang đầu tư dự án Hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi đường Lê Thánh Tôn. Tuy nhiên, hiện nay phần chênh lệch giữa chi phí đầu tư đi nổi và hạ ngầm lưới điện rất lớn, do vậy phần hạ ngầm lưới điện đang tạm dừng. Bên cạnh đó, thành phố đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn; xây dựng phương án chống ùn tắc giao thông trên các tuyến đường phố chính; phương án thu phí đậu, đỗ xe một số tuyến đường...

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, tồn tại

1.1. Khó khăn, tồn tại trong thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU

- Do dự thảo Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt chưa được Quốc hội thông qua, Chính phủ chưa có chỉ đạo cụ thể nên tỉnh phải tạm dừng triển khai chờ chủ trương, hướng dẫn từ các

cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến tình trạng bị động trong việc xây dựng định hướng phát triển cho Khu kinh tế Vân Phong và triển khai các nhiệm vụ đầu tư cho khu vực.

- Tiến độ triển khai một số dự án đầu tư quy mô lớn, có tính động lực vẫn còn chậm, hoặc phải dừng thực hiện đã tác động không nhỏ đến môi trường đầu tư, ảnh hưởng đến việc phát triển của Khu kinh tế Vân Phong.

- Quy hoạch của Khu kinh tế Vân Phong hiện nay vẫn chưa phát huy hết tiềm năng phát triển của Khu kinh tế, nhiều khu vực tiềm năng vẫn chưa có quy hoạch xây dựng.

- Công tác quản lý đất đai tại các khu chức năng được quy hoạch xây dựng trong Khu kinh tế, nhất là tình trạng xây dựng tự phát diễn biến khá phức tạp, gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư các dự án về sau.

1.2. Khó khăn, tồn tại trong thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU

- Một số dự án phát triển trọng điểm của vùng triển khai chậm tiến độ, không tạo ra được năng lực sản xuất mới, dẫn đến mục tiêu

về tỷ lệ giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực so với toàn tỉnh không đạt theo nghị quyết đề ra. Số dự án hoàn thành xây dựng (toàn bộ hoặc một phần) dự kiến đến năm 2020 chỉ đạt 16/40 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư, đạt tỷ lệ 40%, không đạt mục tiêu nghị quyết đề ra (đến 2020 đạt tỷ lệ 50%). Một số các dự án đầu tư ngoài ngân sách triển khai chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cả khu vực.

- Nhiều dự án hạ tầng phục vụ khu du lịch chưa thể triển khai thủ tục đầu tư do nguồn vốn đầu tư công (giai đoạn 2016-2020) còn hạn chế, chưa được bố trí trong kế hoạch để thực hiện.

- Công tác rà soát, điều chỉnh các quy hoạch và lập quy hoạch bổ sung trên địa bàn chưa kịp thời. Công tác quản lý đất đai (tại khu vực núi Hòn Rồng) chưa hiệu quả; tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap không hoàn thành theo kế hoạch.

- Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi vẫn xảy ra, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống

của người dân; chất lượng một số dịch vụ du lịch còn hạn chế.

1.3. Khó khăn, tồn tại trong thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU

- Một số dự án đầu tư ngoài ngân sách triển khai chậm tiến độ hoặc sai phạm trong xây dựng chưa được giải quyết dứt điểm. Việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gặp khó khăn dẫn đến quá trình triển khai thi công các dự án bị kéo dài.

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn chưa theo kịp yêu cầu phát triển, còn bộc lộ nhiều hạn chế trong đầu tư khai thác, bảo vệ cảnh quan môi trường, tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp.

- Hạ tầng giao thông chưa theo kịp với sự gia tăng các phương tiện giao thông đường bộ, đặc biệt là các phương tiện vận tải phục vụ khách du lịch.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà hàng, khách sạn, cơ sở y tế và hộ gia đình đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước của thành phố đạt thấp.

2. Nguyên nhân

- Do ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, mà trực tiếp là ảnh hưởng tình hình bão, mưa, lũ các năm 2016, 2017, 2018; tác động của dịch bệnh Covid-19 đã gây thiệt hại lớn về kinh tế dẫn đến một số chỉ tiêu của các Nghị quyết không đạt.

- Một số dự án vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (kinh phí đền bù giải tỏa lớn), các chính sách về lao động và tiền lương thường xuyên thay đổi (biến động tăng) làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, khả năng đầu tư và thời gian thực hiện đầu tư các dự án phát triển đô thị.

- Các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch, môi trường,... chưa đồng bộ và còn nhiều bất cập, vướng mắc, đặc biệt thủ tục đầu tư các dự án có quy mô lớn rất phức tạp, mất nhiều thời gian phê duyệt từ các bộ, ngành nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.

- Việc chưa phân định rõ về ranh giới giữa đất quốc phòng và đất dân sự phục vụ mục đích phát triển kinh tế tại thành phố Cam Ranh dẫn đến một số dự án lớn chưa triển khai thực hiện

được, làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của các Ban chỉ đạo không thật sự thường xuyên, nên tính kịp thời và hiệu quả chưa cao; đồng thời kế hoạch triển khai các nghị quyết hàng năm chưa được xây dựng và ban hành nên rất khó khăn trong việc xác định các nhiệm vụ cụ thể của từng năm, đảm bảo lộ trình phù hợp, nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong cả giai đoạn 2016-2020.

- Năng lực tham mưu đề xuất của các ban, ngành cho cấp ủy, chính quyền trong triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, chậm cụ thể hóa, có lúc, có nơi chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực, một số ngành còn hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương liên quan thiếu sự chủ động và chặt chẽ, dẫn đến công tác tham mưu triển khai các nhiệm vụ đôi lúc chưa đồng bộ, thiếu hiệu quả. Bên cạnh đó, khối lượng công việc hiện nay tại các

đơn vị rất lớn trong khi số lượng cán bộ, công chức phục vụ công tác chuyên môn lại hạn chế, gây khó khăn trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đề ra.

- Công tác giải phóng mặt bằng còn chậm, nhất là các dự án sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, mặc dù được quan tâm chỉ đạo nhưng việc thực hiện vẫn còn rất chậm, chưa quyết liệt, chưa bảo đảm yêu cầu về thời gian, gây nhiều khó khăn cho việc triển khai các dự án đầu tư.

- Các phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại một số khu vực chưa được ban hành, nên chưa có vốn bố trí cho các dự án: Đường Tỉnh lộ 3, Bệnh viện Đa khoa Nha Trang, đường D30 (kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp) để thực hiện từ năm 2019, một số dự án phải điều chỉnh kế hoạch, sử dụng nguồn vốn khác.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh Khánh Hòa gặp nhiều khó khăn cùng với những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước của các cấp, các ngành, những kết

quả đạt được trong thực hiện các nghị quyết là cơ bản và tích cực, nhất là trên các lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn, thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài ngân sách nhà nước, các dự án sản xuất kinh doanh, phát triển du lịch - dịch vụ, giải quyết việc làm và đào tạo nghề,... Những kết quả này đã góp phần hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII, tạo cơ sở vững chắc để tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực vẫn còn những mục tiêu cơ bản mà các nghị quyết đề ra chưa hoàn thành, chưa tương xứng với kỳ vọng khi xây dựng các nghị quyết, để khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vân Phong, thành phố Nha Trang và khu vực vịnh Cam Ranh.

Vì vậy, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp có tính hiệu quả cao hơn nữa, giải quyết dứt điểm những khó

khẩn, hạn chế với định hướng tiếp tục xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vân Phong, thành phố Nha Trang và khu vực vịnh Cam Ranh là 3 vùng động lực phát triển của tỉnh, trong đó thành phố Nha Trang được xác định là vùng trọng điểm cả về kinh tế - xã hội, khu vực Cam Ranh là vùng trọng điểm về kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh, Khu kinh tế Vân Phong trở thành vùng kinh tế động lực không chỉ của tỉnh Khánh Hòa mà còn là động lực cho cả khu vực miền Trung (gắn kết giữa Bắc Khánh Hòa và Nam Phú Yên).

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU KINH TẾ VÂN PHONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG VÀ VỊNH CAM RANH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đôn đốc, hỗ trợ nhà đầu tư sớm hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động đúng tiến độ đối với các dự án lớn như: Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Cảng tổng hợp Nam Vân Phong, Bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong, Khu công nghiệp Ninh Thủy, để tạo động lực thúc

đẩy sự phát triển của Khu kinh tế Vân Phong. Tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc của các dự án. Xử lý dứt điểm các sai phạm về đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Nha Trang và các dự án triển khai chậm tiến độ tại khu vực vịnh Cam Ranh.

2. Chấn chỉnh, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và tái định cư đối với các dự án đầu tư. Tiếp tục thực hiện đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm như: Đường vành đai kết nối nút giao thông Ngọc Hội, Nút giao Ngọc Hội, Các tuyến đường kết nối hoàn chỉnh, đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông trong và ngoài khu vực sân bay Nha Trang cũ, đường Tỉnh lộ 3, đường D30,... nhằm giải quyết vấn đề giao thông trên địa bàn thành phố Nha Trang; xúc tiến việc triển khai các dự án ứng phó biến đổi khí hậu, cải thiện vệ sinh môi trường cho các khu dân cư như: Dự án Kè bờ phường Vĩnh Nguyên, Đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang, Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang.

3. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và thẩm định các quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng các phân khu chức năng của khu vực vịnh Cam Ranh hiện còn thiếu. Triển khai các bước tiếp theo để hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ; rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang đối với phần diện tích còn lại, nhằm kết nối hạ tầng đồng bộ trong toàn khu vực. Đẩy nhanh công tác xây dựng, hoàn thành Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch cho một số khu vực tại thành phố Nha Trang, nhằm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý quy hoạch - xây dựng đối với các khu vực chưa có quy hoạch phân khu được lập.

4. Chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đô thị, giải quyết, xử lý tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường; tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép; hoạt động phục vụ khách du lịch của các bè nổi không đủ điều kiện kinh doanh.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU, NGÀY 11/7/2016
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KHÁNH HÒA
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã đạt một số kết quả như sau:

1. Kết quả đạt được theo mục tiêu đề ra tại Nghị quyết

1.1. Về tổ chức hệ thống đô thị

- Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đạt 60%.
- Hệ thống đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 gồm có:

- + Thành phố Nha Trang là đô thị loại I (theo Quyết định số 185/2009/QĐ-TTg, ngày 22/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ);

+ Thành phố Cam Ranh là đô thị loại III (theo Quyết định số 323/QĐ-BXD, ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng);

+ Thị xã Ninh Hòa là đô thị loại IV (theo Quyết định số 713/QĐ-BXD, ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng);

+ Huyện Diên Khánh: Ngày 26/5/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1210/QĐ-UBND về phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, đây là cơ sở thành lập thị xã Diên Khánh - đô thị loại IV. Đến nay, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 8894/TTr-UBND, ngày 28/8/2020 trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án phân loại đô thị Diên Khánh là đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, làm cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định.

+ Huyện Vạn Ninh: Ngày 29/3/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 813/QĐ-UBND cho phép lập Đề án phân loại đô thị Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là đô thị loại IV. Đến nay, đang chờ ý kiến Bộ Xây dựng cho phép áp dụng các quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn

huyện, phục vụ lập Đề án phân loại đô thị huyện Vạn Ninh là đô thị loại IV.

+ Thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn là đô thị loại V (theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND, ngày 17/8/2015 của UBND tỉnh); tuy nhiên, do tiêu chí mật độ dân số toàn đô thị của thị trấn Tô Hạp đến năm 2020 chỉ đạt 350,16 người/km² (chưa đạt tiêu chí 1.200 người/km² theo quy định) nên tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại V đến năm 2025.

+ Thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh là đô thị loại V (theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh); tuy nhiên, do tiêu chí mật độ dân số toàn đô thị của thị trấn Khánh Vĩnh đến năm 2020 chỉ đạt 514,5 người/km² nên tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại V đến năm 2025.

+ Các đô thị loại V gồm: Xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh (theo Quyết định số 3459/QĐ-UBND, ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh); xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa (theo Quyết định số 216/QĐ-UBND, ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh); xã Suối Tân, huyện Cam Lâm (theo Quyết

định số 3458/QĐ-UBND, ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh); thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm (theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh); thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa (theo Nghị định số 65/2007/NĐ-CP, ngày 11/4/2007 của Chính phủ).

+ Theo mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy, đến năm 2020, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh (bao gồm xã Cam Hải Đông) sẽ là đô thị loại V. Tuy nhiên, Đồ án Quy hoạch chung Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đang được tổ chức điều chỉnh cục bộ trên cơ sở nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2304/QĐ-UBND, ngày 01/9/2020. Do đó, việc triển khai lập đề án phân loại đô thị cho Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh sẽ được thực hiện sau khi Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh được phê duyệt.

+ Đối với Khu kinh tế Vân Phong, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 783/TTg-QHĐP, ngày 23/6/2020 đồng ý tạm dừng triển khai lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế

- xã hội Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong và cho phép thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; UBND tỉnh ban hành Thông báo số 319/TB-UBND, ngày 09/7/2020 chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong khẩn trương thực hiện thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong theo quy định. Sau khi đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh sẽ lập đề án phân loại đô thị cho Khu kinh tế Vân Phong theo quy định.

1.2. Về chất lượng đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân 22,6 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 97,7% (trong đó, nhà kiên cố đạt khoảng 40%).

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng tại các đô thị đạt 14,8%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng toàn tỉnh đạt 0,92%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh toàn tỉnh đạt 98,2%.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt trên 80% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tỷ lệ 12,5%; 100% các cơ sở sản xuất mới được xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; không có cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tỷ lệ chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 90% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị; 100% CTR khu công nghiệp và y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tại thành phố Nha Trang, 100% chiều dài các đường phố chính và 93,1% đường trong khu ở và ngõ xóm được chiếu sáng; các đô thị còn lại đều đạt từ 80% trở lên.

- Tỷ lệ diện tích đất cây xanh toàn đô thị đạt hơn 15m²/người. Diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị đạt 4,5m²/người.

2. Kết quả đạt được của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa theo tiêu chí đô thị loại I trực thuộc Trung ương

Trên cơ sở các tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tỉnh đã rà soát, đánh giá kết quả đạt được của việc đầu tư phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa, hướng tới mục tiêu trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Theo đó, đến năm 2020, tỉnh Khánh Hòa đạt 67,8 điểm trên thang điểm từ 75 - 100.

3. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

Việc đầu tư phát triển hệ thống đô thị được tập trung vào 04 nhóm chính, kết quả như sau:

- *Về quy hoạch đô thị:* Toàn tỉnh có tổng số 65 đồ án quy hoạch, trong đó: Đã phê duyệt 23 đồ án, đang thực hiện 24 đồ án và chưa thực hiện 18 đồ án. Tổng kinh phí đã thực hiện khoảng 64,98/214,08 tỷ (đạt 30,35%).

- *Về hạ tầng kỹ thuật:* Theo Chương trình được duyệt, toàn tỉnh có tổng số 356 dự án,

trong đó: Đã hoàn thành và đang thực hiện 211 dự án, chưa thực hiện 145 dự án. Tổng kinh phí đã thực hiện khoảng 49.848,18/113.157,54 tỷ (đạt 44,05%).

- Về khu đô thị mới, khu tái định cư và nhà ở: Theo Chương trình được duyệt, toàn tỉnh có tổng số 98 dự án, trong đó: Đã hoàn thành và đang triển khai thực hiện 77 dự án và chưa thực hiện 21 dự án. Tổng kinh phí đã thực hiện khoảng 16.437,08/22.611,13 tỷ (đạt 72,69%).

- Về hạ tầng xã hội và các công trình khác: Theo Chương trình được duyệt, toàn tỉnh có tổng số 259 dự án, trong đó: Đã hoàn thành và đang thực hiện 211 dự án, chưa thực hiện 48 dự án. Tổng kinh phí đã thực hiện khoảng 7.268,022 tỷ /8.982,07 tỷ (đạt 80,9 %).

4. Đánh giá chung

Với sự tham gia tích cực của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2016-2020 đã cơ bản đạt được những mục tiêu của Nghị quyết số 05-NQ/TU đề ra.

Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn cũng như cộng đồng dân cư về quản lý xây dựng và phát triển đô thị; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, giữ gìn những giá trị, bản sắc văn hóa của đô thị; đồng thời, góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, hiện đại tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế như: Nhu cầu vốn của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 lớn, nhưng ngân sách tỉnh còn hạn chế và chịu ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 12 năm 2017, dẫn đến một số các chỉ tiêu về phát triển đô thị tại một số địa phương (huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa) chưa đạt được mục tiêu nghị quyết đề ra. Ngoài ra, kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án rất lớn, các chính sách về lao động, tiền lương thường xuyên thay đổi (biến động tăng) nên ảnh hưởng đến nguồn vốn, khả năng đầu tư và thời gian thực hiện đầu tư các dự án

thuộc Chương trình. Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa tuy đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật tầm quốc gia như: Sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt,... nhưng mâu thuẫn giữa phát triển hạ tầng với sự phát triển của các ngành kinh tế đang là vấn đề đặt ra cần phải giải quyết. Một số địa phương chưa đánh giá hết tầm quan trọng của chương trình, do vậy trong công tác phối hợp đôi khi còn chậm trễ, ảnh hưởng đến việc kiểm tra, rà soát đánh giá tình hình thực hiện chương trình. Việc huy động các nguồn lực, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện chương trình còn hạn chế, nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể dục thể thao,... chưa thật sự thu hút được sự quan tâm của xã hội và các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, vấn đề tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư trong việc xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh cũng còn hạn chế nhất định.

5. Một số giải pháp thực hiện đến hết năm 2020

5.1. Tiếp tục quảng bá, giới thiệu tiềm năng, quy hoạch phát triển đô thị, các dự án

xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt. Có chính sách ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh.

5.2. Hoàn thành thủ tục trình Bộ Xây dựng công nhận đô thị Diên Khánh là đô thị loại IV. Tiếp tục công nhận đạt chuẩn đô thị loại V cho các khu vực đã được quy hoạch phát triển thành khu vực nội thành, nội thị.

5.3. Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị; các trung tâm dịch vụ, thương mại, trung tâm văn hóa, thể thao, các công trình giáo dục, y tế theo hướng xã hội hóa,... Thực hiện đồng bộ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của đô thị.

5.4. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nhà ở đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2016 - 2020 đã được phê duyệt. Tăng cường công tác giám sát, thanh

tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quy hoạch đô thị, về trật tự xây dựng đô thị, việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở. Kịp thời giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đô thị, nhà ở. Tổ chức giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm về gây ô nhiễm môi trường; vi phạm về chế độ sử dụng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TU, NGÀY 04/11/2016
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC TỈNH KHÁNH HÒA
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 04/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về thực hiện Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình, đến nay đã đạt một số kết quả như sau:

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả phát triển nhân lực hành chính, sự nghiệp

Triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng

kiến thức quản lý nhà nước chương trình: Cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng kiến thức quản lý dành cho lãnh đạo cấp phòng, cấp sở, cấp huyện; lớp đạo đức công vụ, lớp bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, lớp đại học Hành chính,... cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh. Đồng thời, hàng năm, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cũng được cử đi đào tạo sau đại học ở trong nước, nước ngoài theo đúng thẩm quyền quy định.

Ngoài ra, các đơn vị sự nghiệp có số lượng viên chức nhiều như: Ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Văn hóa và Thể thao, ngành Y tế, lĩnh vực khoa học và công nghệ,... đã tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các ngành, lĩnh vực. Các sở quản lý chuyên ngành đã tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp đảm bảo theo yêu cầu vị trí

việc làm của viên chức như: Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp bồi dưỡng Kỹ sư hạng III (110 trường hợp); Sở Tài nguyên và Môi trường bồi dưỡng viên chức ngành Tài nguyên - Môi trường hạng III, hạng II (115 trường hợp); Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lớp bồi dưỡng các chức danh giáo viên hạng III, hạng II (10.357 trường hợp); Sở Văn hóa và Thể thao cử viên chức đi bồi dưỡng chức danh lĩnh vực thể dục - thể thao (41 trường hợp); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp, ...

Đến thời điểm tháng 8/2020, tiến độ thực hiện và khả năng đạt được mục tiêu kế hoạch như sau:

a) Về trình độ chuyên môn:

- Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên: có 1.701 người đạt trình độ từ đại học trở lên, chiếm 97,3% (tăng 7,65% so với đầu giai đoạn); trong đó, có 241 người đạt trình độ sau đại học, chiếm 13,79%.

- Cán bộ, công chức cấp xã (2.803 người): Có 2.740 người đạt trình độ từ trung cấp trở lên, chiếm 97,75% (tăng 7,07% so với đầu giai đoạn); trong đó, tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên chiếm 53,93%.

b) Về trình độ lý luận chính trị:

- Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên: Có 1.092 người có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, chiếm 62,47% (tăng 9,24% so với đầu giai đoạn).

- Cán bộ, công chức cấp xã: Có 1.825 người có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, chiếm 65,1% (tăng 5,4% so với đầu giai đoạn).

Như vậy, so với mục tiêu của Chương trình đến năm 2020:

- Đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện: Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ đại học trở lên đã vượt mục tiêu của kế hoạch 2,3%. Mục tiêu này đạt được từ kết quả tuyển dụng công chức hành chính năm 2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, đã bổ sung 140 thí sinh trúng

tuyển có trình độ từ đại học trở lên; đồng thời, trong năm 2020, một số trường hợp cán bộ, công chức không đạt về trình độ chuyên môn nghi theo chế độ tinh giản biên chế; tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên cũng vượt 2,47% với mục tiêu của kế hoạch.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã: Với kết quả tốt nghiệp của lớp đại học Hành chính, 113 cán bộ, công chức cấp xã được cấp bằng cử nhân Quản lý nhà nước, đã giúp cho tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ Trung cấp trở lên vượt 2,75% so với mục tiêu của kế hoạch và vượt 13,93% về mục tiêu có trình độ đại học trở lên.

- Đối với đội ngũ viên chức: Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đạt từ đầu vào khi tuyển dụng, nhưng tỷ lệ viên chức chưa được bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo chuyên ngành vẫn còn cao, do hiện nay, các chương trình bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho viên chức, các Bộ quản lý chuyên ngành đã và đang tiếp tục xây dựng và ban hành (một số chức danh nghề nghiệp đã được Bộ quản lý chuyên ngành ban hành gồm: Văn hóa

và thể thao, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, ...).

2. Kết quả phát triển nhân lực Đảng, mặt trận và đoàn thể

Từ năm 2016 đến nay, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thường xuyên tham mưu Thường trực Tỉnh ủy phối hợp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực III - Đà Nẵng và Trường Chính trị tỉnh thực hiện các lớp Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) tại tỉnh và khai giảng các lớp đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị, các lớp Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý, theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hàng năm,... Bên cạnh đó, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức lớp bồi dưỡng, cập nhật, kiến thức đối với cán bộ đương nhiệm, dự nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2017 - 2020 và đã thực hiện trong năm 2018.

Đánh giá tiến độ thực hiện và khả năng đạt được mục tiêu kế hoạch: Tính đến tháng 8/2020, khối Đảng, mặt trận và đoàn thể có 982 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có 898 cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn, cụ thể:

a) Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên: 812 người, đạt 90,4% (tăng 2,01% so với đầu giai đoạn); Cao đẳng: 45 người, đạt 5%; Trung cấp: 29 người, đạt 3,2%; Sơ cấp: 12 người, đạt 1,4%.

b) Trình độ lý luận chính trị: Số cán bộ, công chức, viên chức thuộc nguồn quy hoạch có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên đạt 93%, vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra (tăng 9,5% so với đầu giai đoạn). Số cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử là 167 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên, đạt 93%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Như vậy, với mục tiêu phát triển nhân lực của khối Đảng, mặt trận, đoàn thể, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác nghiệp vụ có trình độ đại học trở lên vượt 0,4% và cán bộ,

công chức, viên chức thuộc nguồn quy hoạch có trình độ Trung cấp lý luận trở lên vượt 13%, trong đó, 100% cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phải đủ chuẩn về lý luận chính trị khi thực hiện quy trình bổ nhiệm, bầu cử đều đã đạt mục tiêu.

3. Kết quả phát triển nhân lực của huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh

Giai đoạn 2016 - 2020, hai huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh đã tổ chức được 106 lớp đào tạo nghề cho 2.950 học viên, trong đó: 22 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 621 học viên và 84 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 2.284 học viên. Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Sau đào tạo, học viên được tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm, nhờ đó đa số lao động đã có việc làm ổn định, một số còn có thể tự tạo việc làm cho bản thân tại gia đình hoặc

địa phương; tỷ lệ lao động tham gia học nghề nông nghiệp có việc làm đạt 93-96%.

Đến tháng 8/2020, lực lượng trong độ tuổi lao động trên địa bàn hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh là 33.748 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 14.322 người, đạt 42,44% (tăng 3,09% so với đầu giai đoạn); trong đó, đào tạo từ trung cấp trở lên là 3.892 người, đạt 27,17% (tăng 2,28% so với đầu giai đoạn), tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có việc làm đạt trên 82,5%.

Tuy nhiên, do dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm trên 75%), điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhận thức người dân còn hạn chế, chưa xác định việc học nghề là điều kiện cần thiết để tìm kiếm việc làm có thu nhập ổn định mà chỉ muốn tìm kiếm các công việc phổ thông, đơn giản, có thu nhập ngay nên công tác chiêu sinh để mở các lớp học nghề gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, trên địa bàn hiện chưa có các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ít, quy mô nhỏ, lẻ nên chưa thu hút lao động trong lĩnh vực phi nông

nghiệp. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp - lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - thương mại - dịch vụ còn hạn chế.

Như vậy, so với mục tiêu của Chương trình đến năm 2020, tỷ lệ lao động được đào tạo đã vượt 2,44% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có việc làm vượt 2,5%. Để đạt được mục tiêu có khoảng 30-35% lao động được đào tạo có trình độ trung cấp trở lên, trong quý IV năm 2020, tập trung đào tạo nghề cho người lao động ở các nội dung đào tạo có trình độ trung cấp và cao đẳng mới có thể hoàn thành được.

4. Kết quả phát triển nhân lực sản xuất kinh doanh

Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhân lực khối sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020, đến nay đã có một số kết quả chủ yếu sau:

a) Hàng năm, trong chương trình, nhiệm vụ công tác của các sở, ngành quản lý theo lĩnh vực chuyên ngành kinh tế, du lịch, giao thông vận tải, dạy nghề,... đã đưa nhiệm vụ

hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển nguồn nhân lực của khối sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên tiến hành tổ chức các lớp cho các doanh nghiệp, người lao động; tổ chức các phiên giao dịch việc làm, nhằm tạo cơ hội tiếp xúc giữa người lao động và người sử dụng lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động theo đúng mục tiêu của nghị quyết.

b) Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp, tay nghề cho người lao động và trong một số lĩnh vực đã đáp ứng được phần nào nhu cầu về nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

c) Các doanh nghiệp đã thay đổi tích cực về hiệu quả sản xuất kinh doanh, ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ trong thực tiễn. Nâng cao năng suất lao động, hiệu quả thực hiện công việc.

Đánh giá tiến độ thực hiện và khả năng đạt được mục tiêu kế hoạch: Tính đến 30/8/2020, tổng số lao động qua đào tạo là 494.570 người, trong đó:

- Số người lao động đã qua đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp: 123.148 người, đạt 24,9% (tăng 11,1% so với đầu giai đoạn).

- Số lao động có trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 247.780 người, đạt 50.1% (tăng 28,5% so với đầu giai đoạn).

Số lượng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2019 là 165.648 người. Lao động làm việc trong doanh nghiệp hầu hết đều được đào tạo nghề hoặc tự học nghề tại doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động làm việc trong doanh nghiệp qua đào tạo là 78,5%, trong đó:

- Số lao động là công nhân kỹ thuật đã làm việc tại doanh nghiệp trên 3 năm do doanh nghiệp tự đào tạo chiếm tỷ lệ 22,2%.

- Số lao động đã tốt nghiệp các cấp trình độ do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp địa phương đào tạo chiếm 42%.

- Số lao động đã tốt nghiệp các cấp trình độ do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trung ương đào tạo chiếm 24,7%.

- Số lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 11%.

Như vậy, để tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực khu vực sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh; trong quý IV năm 2020 cần tiếp tục nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong tổng số lao động được đào tạo lên thêm 0,1%, tương ứng có khoảng 1.800 người được đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tham gia vào lực lượng lao động. Riêng tỷ lệ lao động dạy nghề ngắn hạn đã đảm bảo mục tiêu của kế hoạch, vượt 5,1%.

5. Về kinh phí thực hiện Chương trình phát triển nhân lực

Đến tháng 5/2020, ngân sách đã chi 38,094 tỷ đồng để thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực; dự kiến trong năm 2020 sẽ chi 16 tỷ đồng. Kinh phí trên không bao gồm nguồn kinh phí thực hiện lồng ghép với Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho

lao động nông thôn và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn lao động. So với nhu cầu vốn dự kiến 300 tỷ đồng cho công tác đào tạo theo Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy, đã tiết kiệm đáng kể kinh phí, nhưng vẫn đảm bảo cơ bản được các mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chương trình phát triển nhân lực giai đoạn 2016-2020 đã được cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương, các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa thành kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện đầy đủ. Về cơ bản, đã đạt được các mục tiêu theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên cả về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý điều hành, thực thi công vụ, đảm bảo chuẩn đầu vào về trình độ, phù hợp với yêu cầu của vị trí tuyển dụng, gắn liền với hạng chức danh nghề nghiệp. Các cơ

quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm, chỉ đạo thường xuyên trong công tác hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, đối với nhân lực sản xuất kinh doanh, trong giai đoạn tới, Nhà nước cần tập trung hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế: Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động, còn lúng túng trong triển khai thực hiện; đối với nhân lực hành chính, đơn vị sự nghiệp, việc bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh theo vị trí việc làm của viên chức gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do phải phụ thuộc vào các bộ, ngành Trung ương. Một số chức danh có số lượng viên chức ít, khó khăn trong việc tổ chức lớp tập trung tại tỉnh, nếu cử đi bồi dưỡng thì thiếu hụt viên chức để đảm bảo công tác tại đơn vị sự nghiệp (trung bình mỗi lớp từ 4-6 tuần). Ngoài ra, đối với những chức danh có số lượng viên chức nhiều, tuy việc tổ chức lớp bồi dưỡng tại tỉnh

có thuận lợi song cũng cần có thời gian để bồi dưỡng cũng như nguồn kinh phí để thực hiện cho việc mở lớp. Bên cạnh đó, một số hạng chức danh nghề nghiệp vẫn chưa được Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng và ban hành chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, do đó, việc thực hiện bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức cần có thời gian để đáp ứng theo yêu cầu. Việc phát triển nhân lực sản xuất kinh doanh chủ yếu do các đơn vị sản xuất, kinh doanh thực hiện, vai trò hỗ trợ của Nhà nước chưa thể hiện rõ nét. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các ngành nghề, lĩnh vực và số lượng ngày càng nhiều, dẫn đến kinh phí đề nghị thực hiện cao, nên gặp khó khăn trong việc cân đối ngân sách để thực hiện chương trình. Một số nội dung đào tạo, bồi dưỡng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng chậm cấp kinh phí thực hiện, ảnh hưởng đến việc đảm bảo hoàn thành các nội dung kế hoạch.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2020

1. Nhiệm vụ chung

Tập trung hoàn thành các mục tiêu còn lại của Chương trình. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động ổn định, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển và các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp - chế biến, nông nghiệp, công nghệ cao. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài, các tổ chức quốc tế để tăng cường đầu tư cho giáo dục.

2. Giải pháp cụ thể

2.1. Đối với nhân lực khối Đảng, mặt trận, đoàn thể và hành chính, đơn vị sự nghiệp

Theo nội dung đánh giá tiến độ, đội ngũ cán bộ, công chức, lĩnh vực hành chính và Đảng, mặt trận và đoàn thể thì hiện nay cơ bản đã đạt và vượt mục tiêu đề ra. Do đó,

cần tiếp tục quan tâm, thực hiện rà soát kết quả học tập ở các khóa đào tạo, bồi dưỡng của kế hoạch năm 2020, đảm bảo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đối với viên chức sự nghiệp, tiếp tục theo sát các chương trình bồi dưỡng được Bộ quản lý chuyên ngành phê duyệt và ban hành để tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp để đạt chuẩn theo quy định.

Tăng cường chỉ đạo các cơ quan địa phương có trách nhiệm thực hiện, tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở hướng dẫn thực hiện của Bộ quản lý chuyên ngành, đảm bảo theo yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức thuộc nguồn quy hoạch.

2.2. Đối với nhân lực sản xuất kinh doanh

Vận động lực lượng đang trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo tham gia học nghề; trong đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo việc tuyển sinh đào tạo nghề ở các trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp. Kết hợp đào tạo nghề giữa các cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động như: May công nghiệp - may thời trang, dịch vụ nhà hàng - khách sạn, trồng cây ăn quả, đan mây tre lá,... thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

Các sở, ngành quản lý sản xuất kinh doanh phải tiếp tục nâng cao sự chủ động trong việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho nhân lực thuộc khu vực này.

2.3. Đối với nhân lực huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh

Tập trung mở các lớp đào tạo nghề có trình độ trung cấp, cao đẳng cho người lao động tại huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh theo Kế hoạch, Đề án của các Chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai trên địa bàn hai huyện.

Đẩy mạnh thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng, khuyến khích doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề và sử dụng lao động người dân tộc thiểu số; phát triển các cơ sở dạy nghề ngoài công lập để đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU, NGÀY 11/7/2016
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH KHÁNH HÒA
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

1. Những kết quả đạt được

1.1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

- Đối với mục tiêu đến năm 2020 có 53/94 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia: đến tháng 9/2020, toàn tỉnh có 49/92 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 07 xã được công nhận. Như vậy, toàn tỉnh có 56/92 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (60,8% tổng số xã), vượt 03 xã so với mục tiêu nghị quyết đề ra.

Thực hiện Nghị quyết số 894/NQ-UBTVQH14, ngày 11/02/2020 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh đã thực hiện việc sáp nhập 02 xã Diên Lộc và xã Diên Bình thành xã Bình Lộc thuộc huyện Diên Khánh; đồng thời đưa xã Vĩnh Thái thuộc thành phố Nha Trang ra khỏi Chương trình nông thôn mới để phát triển lên phường.

- Đối với mục tiêu có 12/94 xã (12,8% tổng số xã) đạt từ 15-18 tiêu chí, 25/94 xã (26,6% tổng số xã) đạt từ 10-14 tiêu chí, 04/94 xã (4,2% tổng số xã) đạt từ 05-09 tiêu chí, không có xã dưới 05 tiêu chí: Đến tháng 09/2020, toàn tỉnh có 06/92 xã đạt từ 15-19 tiêu chí, đạt 50% mục tiêu đề ra; 24/92 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, đạt 96% mục tiêu đề ra; 13/92 xã đạt từ 05-09 tiêu chí vượt 325% mục tiêu đề ra và không còn xã dưới 05 tiêu chí. Dự kiến đến cuối năm 2020, các địa phương phấn đấu không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Đối với mục tiêu số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân chung của toàn tỉnh là 16 tiêu chí/xã: số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân chung của toàn tỉnh là 15,6 tiêu

chí/xã, dự kiến cuối năm 2020 là 16,5 tiêu chí/xã, vượt mục tiêu nghị quyết là 0,5 tiêu chí/xã.

- Đối với mục tiêu thành phố Nha Trang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Thành phố Nha Trang có 07/07 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình

- Về Bộ tiêu chí: Theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí quy hoạch đạt 92/92 xã, giao thông đạt 65/92 xã, thủy lợi đạt 88/92 xã, điện đạt 91/92 xã, trường học đạt 73/92 xã, cơ sở vật chất văn hóa đạt 54/92 xã, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đạt 85/92 xã, thông tin và truyền thông đạt 92/92 xã, nhà ở dân cư đạt 58/92 xã, thu nhập 54/92 đạt xã, hộ nghèo đạt 66/92 xã, lao động có việc làm đạt 92/92 xã, tổ chức sản xuất đạt 62/92 xã, giáo dục và đào tạo đạt 75/92 xã, y tế đạt 82/92 xã, văn hóa đạt 92/92 xã, môi trường và an toàn thực phẩm đạt 59/92 xã, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật đạt 66/92 xã, quốc phòng và an ninh đạt 87/92 xã.

- Về công tác Quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Đến tháng 9/2020, có 92/92 xã (100% tổng số xã) đạt tiêu chí quy hoạch. Chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới cơ bản đáp ứng về định hướng tổ chức không gian; xác định được nhu cầu sử dụng đất, bố trí vùng sản xuất và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ sản xuất hàng hóa nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ; bố trí các hệ thống thủy lợi kết hợp với giao thông; quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa; quy hoạch phát triển hạ tầng - kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới...

- Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

+ Về hệ thống giao thông: Giai đoạn 2016 - 2019, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng 162 công trình giao thông, với tổng mức đầu tư 152.295 triệu đồng. Năm 2020, đã phân bổ 34.495 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 33 công trình. Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, nhiều công trình đường liên thôn, liên xóm còn có kinh phí đóng góp của nhân dân, nhiều hộ gia đình tự nguyện

hiển đất. Nhờ vậy, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khu vực nông thôn, miền núi trên địa bàn tỉnh ngày càng hoàn thiện, rút ngắn cự ly thông thương, đảm bảo sinh hoạt và sản xuất của người dân. Khánh Hòa là một trong những tỉnh có 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

+ Về hoàn thiện hệ thống thủy lợi: Giai đoạn 2016 - 2019, từ nguồn vốn ngân sách các cấp trực tiếp hỗ trợ, tỉnh đã thực hiện 30 công trình thủy lợi, với tổng mức đầu tư là 46.202 triệu đồng. Năm 2020, đã phân bổ 13.487 triệu đồng hỗ trợ xây dựng thêm 13 công trình.

+ Về hệ thống điện: Hệ thống điện hàng năm, công tác đầu tư xây dựng mới, sửa chữa lưới điện khu vực nông thôn; đầu tư, cải tạo hệ thống lưới điện trung hạ áp được chú trọng đầu tư vốn, mạng lưới điện quốc gia được cấp đến tận các thôn, xóm đảm bảo chất lượng điện năng. Công tác quản lý lưới điện được tập trung, chuyên môn hóa, định kỳ được kiểm tra thường xuyên. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ còn xã đảo Vạn Thạnh thuộc huyện Vạn Ninh chưa đạt chuẩn tiêu chí điện, Sở Công Thương

đã đề nghị Bộ Công Thương quan tâm, chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hỗ trợ, đầu tư phủ điện cho các thôn chưa có điện thuộc xã Vạn Thạnh (Vạn Ninh) bằng nguồn năng lượng mặt trời.

+ Về trường học: Hệ thống mạng lưới trường học đã được rà soát, sắp xếp, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đáp ứng nhu cầu dạy học và giáo dục của các cấp học, ngành học. Cơ sở vật chất, kỹ thuật trường học được tiếp tục đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Toàn tỉnh hiện có 71 trường mầm non, 86 trường tiểu học, 71 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Giai đoạn 2016 - 2019, từ nguồn vốn ngân sách các cấp trực tiếp hỗ trợ, tỉnh đã đầu tư thực hiện 42 công trình trường học, với tổng mức đầu tư là 126.573 triệu đồng. Năm 2020, tỉnh đã phân bổ 17.552 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 08 công trình.

+ Về hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa: Hệ thống thiết chế văn hóa thôn, xã cơ bản phát huy được công năng sử dụng, tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và

các hoạt động khác để nhân dân địa phương tham gia. Đến cuối năm 2019, có 42 thiết chế văn hóa - thể thao xã và 231 thiết chế văn hóa - thể thao thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định. Giai đoạn 2016 - 2019, từ nguồn vốn ngân sách các cấp trực tiếp hỗ trợ, tỉnh đã đầu tư xây dựng 33 công trình cơ sở vật chất văn hóa, với tổng mức đầu tư 52.182 triệu đồng. Năm 2020, đã phân bổ 13.991 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 06 công trình.

+ Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Hầu hết các chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh là chợ hạng III. Đến cuối năm 2019, có 09¹ chợ thuộc các xã xây dựng nông thôn mới đã được chuyển đổi mô hình kinh doanh khai thác và quản lý chợ do doanh nghiệp quản lý. Giai đoạn 2016 - 2019, đã xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 10 công trình cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, với tổng mức đầu tư 13.899 triệu đồng. Năm 2020, đã phân bổ 5.443 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 03 công trình.

1 Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phương, Hòn Rớ (thành phố Nha Trang); Ninh Sim (thị xã Ninh Hòa); Diên An, Diên Phước, Diên Thạnh, Diên Phú (huyện Diên Khánh); Suối Cát (huyện Cam Lâm).

+ Về thông tin và truyền thông: Hạ tầng bưu chính, viễn thông và internet được các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đầu tư 100% tới trung tâm các xã trên địa bàn đạt 100%.

+ Nhà ở dân cư: Công tác xóa nhà tạm được ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hóa. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội đoàn thể thành viên đã tích cực vận động, thực hiện xóa các nhà tạm, nhà dột nát cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Kinh tế và tổ chức sản xuất:

+ Công tác triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn: Năm 2016, tỉnh đã phân bổ 27.312 triệu đồng (*trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh là 14.941 triệu đồng, vốn đối ứng là 12.371 triệu đồng*) để hỗ trợ các địa phương mua giống cây trồng, vật nuôi. Giai đoạn 2017-2019, tỉnh đã phân bổ 104.109 triệu đồng (*trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh là 44.545 triệu đồng, vốn đối ứng là 59.564 triệu đồng*) thực hiện các nội dung: Hỗ trợ chuyển đổi 1.630 ha cây trồng gồm 238 ha cây hàng năm và 1.392 ha cây lâu năm (*trong đó, có 687 ha*

sầu riêng, 371 ha bưởi, 197 ha xoài, 59 ha chôm chôm, 40 ha mít và các loại cây trồng khác) với kinh phí 42.524 triệu đồng; hỗ trợ chăn nuôi tập trung 1.025 triệu đồng; hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 500 triệu đồng; hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất diêm nghiệp và ngành nghề nông thôn 229,98 triệu đồng; hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản 124 triệu đồng. Năm 2020, phân bổ 16.354 triệu đồng hỗ trợ các địa phương phát triển sản xuất.

Qua triển khai chính sách cho thấy, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, người dân đã mạnh dạn đầu tư để phát triển sản xuất nông nghiệp, nhờ đó các diện tích đất sản xuất kém hiệu quả, bỏ hoang nay đã chuyển mình, từng bước hình thành các vùng sản xuất, với những loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Bưởi da xanh, sầu riêng, xoài, chôm chôm, đậu phụng, khoai sắn,... Đây là tiền đề quan trọng để tỉnh tiếp tục triển khai Đề án chuyển đổi cây trồng trong thời gian tới, góp phần tái cơ cấu lại ngành Nông nghiệp hiệu quả hơn, đồng thời tạo điều kiện cho mỗi xã xây dựng

thành công được một sản phẩm mang tính đặc trưng của địa phương.

+ Công tác khuyến nông, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp được chú trọng. Nhiều mô hình được triển khai và chuyển giao cho người dân thực hiện như: Kỹ thuật trồng tỏi trên vùng đất cát ven biển; quy trình canh tác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sầu riêng; phát triển cây bưởi da xanh theo chuẩn VietGap; sản xuất khô qua trên đất lúa kém hiệu quả; nuôi kết hợp tôm sú với cua xanh; nuôi cá mú Trân Châu trong lồng; trồng cây măng tây; nuôi tôm sú bán thâm canh đảm bảo an toàn thực phẩm...

+ Về thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn: Tỉnh đã quan tâm, tạo nhiều điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu sản phẩm, tham gia hội chợ. Khuyến khích thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong đầu tư sản xuất và tiêu thụ nông sản; khuyến khích thực hiện hình thức

hợp đồng tiêu thụ nông sản trực tiếp với người dân, vận động các đơn vị tham gia các phiên chợ nông sản do Trung ương và tỉnh tổ chức, nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ gia đình nông dân,... quảng bá, phát triển thương hiệu, liên kết tiêu thụ nông sản.

+ Về đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp: Các hợp tác xã đã tổ chức kinh doanh theo hướng đa dạng hóa các khâu dịch vụ, đáp ứng cơ bản yêu cầu của sản xuất nông nghiệp; nhiều hợp tác xã hoạt động gắn với sản phẩm chủ lực của vùng, áp dụng công nghệ cao, tiên tiến vào sản xuất, thực hiện liên kết theo chuỗi, liên kết với các siêu thị để tiêu thụ sản phẩm. Đến ngày 15/9/2020, có 111 hợp tác xã hoạt động trên các lĩnh vực: Nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ tổng hợp, với tổng số thành viên là 43.965 người (trong đó có 779 người làm việc thường xuyên), doanh thu bình quân 01 hợp tác xã là 1.256 triệu đồng/năm, lãi bình quân là 48,76 triệu đồng/năm.

Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động của hợp tác xã còn nhiều khó khăn do thiếu vốn, thiếu lao

động có trình độ, việc liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, sự liên kết giữa các thành viên còn lỏng lẻo nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

+ Về phát triển ngành nghề nông thôn: Phê duyệt và ban hành danh mục 62 nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên, trong đó có 15 nghề nông nghiệp và 47 nghề phi nông nghiệp. Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, giai đoạn 2016 - 2018, tỉnh hỗ trợ đào tạo cho 24.418 người, với tổng kinh phí là 54.160 triệu đồng, số lao động nông thôn học xong làm đúng ngành nghề đào tạo là 7.573 người, tỷ lệ có việc làm sau khi đào tạo đạt trên 93,4%, trong đó có 2.424 người được doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng, 241 người được doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm.

+ Về thu nhập: Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn là 35 triệu đồng/người/năm, tăng 8,2 triệu đồng/người/năm so với năm 2016 (26,8 triệu đồng/người/năm).

Về giảm nghèo và an sinh xã hội: Tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bằng nhiều hình thức như: Hỗ trợ tín dụng hộ nghèo, hỗ trợ đất, kỹ thuật canh tác, phát thẻ bảo hiểm miễn phí, miễn giảm học phí, xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo, tạo việc làm tại chỗ, tổ chức đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt chú trọng đào tạo nghề cho con em hộ nghèo và đồng bào dân tộc, nhằm nâng cao trình độ tay nghề, tạo cơ hội cho người dân có việc làm để tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Đầu năm 2016, toàn tỉnh có 27.392 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,68%, đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo còn 3,06%, dự kiến cuối năm 2020 còn 2,18%.

- Về văn hóa, xã hội và môi trường

+ Về phát triển giáo dục ở nông thôn: 92/92 xã đã đạt chuẩn trong công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, học nghề) tại các địa phương ngày càng được cải thiện. Môi trường, chất lượng, hiệu quả giáo dục các

xã vùng nông thôn không ngừng được củng cố, duy trì và phát triển bền vững; hệ thống, quy mô mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp theo hướng chuẩn hóa, chú trọng chất lượng và đảm bảo các điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục đều đảm bảo đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; tỷ lệ lưu ban, bỏ học ngày càng giảm,... khoảng cách chênh lệch về mặt bằng chất lượng, hiệu quả giáo dục ở vùng nông thôn so với thành thị đã được rút ngắn, tạo được sự công bằng trong giáo dục giữa các vùng, miền, góp phần tích cực trong việc triển khai thực hiện, hoàn thành các mục tiêu của Đề án “Xây dựng xã hội học tập” của Chính phủ đề ra.

+ Về y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân nông thôn: Mạng lưới y tế không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ nhân lực được quan tâm đầu tư.

+ Về nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn: Các địa phương tích cực triển khai thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, chú trọng nhân rộng các mô hình hay, các điển hình tiên tiến trong việc thực hiện phong trào; các tổ chức hội, đoàn thể các cấp đã tổ chức nhiều hoạt động phong phú, thiết thực hướng về xây dựng gia đình hạnh phúc, văn minh.

+ Về đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề: Tỉnh đặc biệt quan tâm, thường xuyên chỉ đạo các địa phương kiểm tra, xử lý vệ sinh môi trường tại các điểm dân cư, nơi công cộng, tổ chức thu gom rác thải và tập kết tại các bãi rác theo quy định. Với sự nỗ lực của các địa phương, đặc biệt là vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể và sự tham gia tích cực của nhân dân, nhiều mô hình bảo vệ môi trường đã ra đời, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Về hệ thống chính trị:

+ Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh tập trung nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức

Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân. Cán bộ, công chức ở cấp huyện, xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo quy định. Chất lượng dịch vụ hành chính công được cải thiện và nâng cao. Công tác tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân được các địa phương quan tâm, chú trọng thực hiện như: Thường xuyên tổ chức ngày pháp luật, tổ chức tuyên truyền tại các thôn, kết hợp với các cuộc họp thôn để triển khai, phổ biến các văn bản pháp luật. Các hội, đoàn thể cũng tích cực tham gia phổ biến Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bảo vệ môi trường,... đến hội viên và lan tỏa ra cộng đồng.

+ Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội trên địa bàn nông thôn luôn được giữ vững. Công an tỉnh đã thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và kiềm chế các loại tội phạm,

tệ nạn xã hội; xây dựng, củng cố phát triển lực lượng công an cơ sở làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự ở khu vực nông thôn. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cũng đã tích cực phối hợp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến, tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện tốt công tác tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ ở các địa phương, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp. Phát huy vai trò của lực lượng công an từ tỉnh đến xã trong việc tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo, tổ chức, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ quốc phòng, an ninh.

1.3. Về huy động nguồn lực giai đoạn 2016 - 2019

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là 2.969.743 triệu đồng; trong đó, vốn ngân sách Trung ương là 22.400 triệu đồng, vốn ngân sách cấp tỉnh là 353.000 triệu đồng, vốn ngân sách cấp huyện là 143.700 triệu đồng, vốn ngân sách cấp xã là 46.900 triệu

đồng, vốn lồng ghép là 2.328.300 triệu đồng, vốn doanh nghiệp là 845 triệu đồng, vốn cộng đồng là 74.598 triệu đồng. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh cũng hỗ trợ cho vay, giải ngân đầu tư Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến tháng 7/2020, dư nợ cho vay Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh là 11.285 tỷ đồng; trong đó, cho vay hộ sản xuất kinh doanh là 8.089 tỷ đồng, cho vay làm đường nông thôn là 107,3 tỷ đồng, cho vay xây dựng nhà ở là 1.199,7 tỷ đồng, cho vay hộ nghèo là 52,83 tỷ đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 489,8 tỷ đồng, cho vay khác là 1.346,27 tỷ đồng.

2. Đánh giá chung

Sau gần 05 năm (2016 - 2020) triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, đến nay Nghị quyết đã đi vào cuộc sống và mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ: Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới tạo nên diện mạo khang trang cho vùng nông thôn, hỗ trợ sản xuất và sinh hoạt hàng ngày, giúp đời sống nhân dân được cải thiện; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần

chúng được đẩy mạnh, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện, hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố, phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ,... Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đặc biệt là chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng mang lại hiệu quả, giúp nâng cao thu nhập cho người dân, tạo tiền đề xây dựng được các nhãn hiệu nông sản đặc trưng cho tỉnh như: Sầu riêng, chôm chôm Khánh Sơn; xoài Cam Lâm; táo Cam Thành Nam; bưởi da xanh Khánh Vĩnh...

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế cần khắc phục trong thời gian đến, cụ thể:

- Tuy cơ bản đạt mục tiêu mà Nghị quyết số 06-NQ/TU đề ra song kết quả vẫn chưa tương xứng với tiềm lực và khả năng của tỉnh. Đến 15/9/2020, tỉnh Khánh Hòa chỉ có 53,3% số xã được công nhận đạt chuẩn, thấp hơn cả nước (60,2%) là 6,9%; số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung của tỉnh là 15,6 tiêu chí/xã,

so với bình quân chung cả nước (16,4 tiêu chí/xã) thì thấp hơn 0,8 tiêu chí/xã.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước (*kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác*) còn thấp so với nhu cầu của các địa phương, nguồn lực huy động trong nhân dân còn hạn chế (do thu nhập của người dân còn thấp, ngành nông nghiệp và người nông dân chịu thiệt hại nhiều do thiên tai, dịch bệnh). Hầu hết các đồ án Quy hoạch nông thôn mới đều được phê duyệt từ năm 2012, đã quá hạn 05 năm cần được rà soát và điều chỉnh. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật chưa quy định về việc điều chỉnh quy hoạch đối với quy hoạch nông thôn (bao gồm cả điều chỉnh cục bộ).

- Công tác bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng chưa được thực hiện thường xuyên do hạn chế về nguồn kinh phí; công tác quản lý các công trình giao thông chưa phù hợp với quy mô và nhu cầu khai thác sử dụng; cơ sở hạ tầng một số địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu học tập, sinh hoạt và sản xuất. Kinh tế hợp tác ở nông

thôn có phát triển nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa phổ biến.

3. Một số giải pháp thực hiện đến hết năm 2020

3.1. Giải pháp chung

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về thực hiện các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong đó chú trọng vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng tham gia xây dựng nông thôn mới với phương châm “người thật, việc thật”; tuyên truyền, phổ biến các mô hình, các gương điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trong xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

Tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm

công tác xây dựng nông thôn mới; kịp thời cập nhật, phổ biến các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh ban hành, để xây dựng Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

3.2. Giải pháp cụ thể

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; quán triệt đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân cùng tham gia thực hiện. Trong đó, xác định rõ tiêu chí trọng tâm cần ưu tiên thực hiện để tập trung chỉ đạo hiệu quả; tiếp tục rà soát, nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; đồng thời phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện xây dựng nông thôn mới cũng như vận động nhân dân cùng tham gia.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 531/QĐ-UBND, ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về việc quy định cụ thể hóa bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2020; tăng cường giám sát, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện, hoàn thành mục tiêu; trong đó chú trọng đến 17 xã hiện đạt dưới 10 tiêu chí, phấn đấu đến cuối năm 2020 các xã này đạt từ 10 tiêu chí trở lên.

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế lồng ghép các nguồn lực trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả, tránh chồng chéo về nội dung, đối tượng hỗ trợ; tạo điều kiện để các địa phương phát huy lợi thế của mình trong phát triển kinh tế nông thôn, giúp giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn, nhằm giải quyết việc làm cho người dân ở khu vực nông thôn, giúp nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống. Tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc định canh định cư, xóa bỏ tập quán chặt phá rừng làm nương, rẫy; đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, chống truyền đạo trái phép, bài trừ các hủ tục lạc hậu,...

Về thực hiện các mục tiêu đến hết năm 2020:

+ *Đối với mục tiêu có 56/92 xã (60,9% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới*: Phấn đấu đến cuối năm 2020 có thêm 07 xã đạt chuẩn; đồng thời giám sát, hỗ trợ các xã đã được công nhận đạt chuẩn giữ vững 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2017 - 2020, thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch.

+ *Đối với mục tiêu không còn xã dưới 10 tiêu chí*: UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các xã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch để đến cuối năm không còn xã dưới 10 tiêu chí; trong đó, cần tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên

địa bàn chủ động, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, ưu tiên thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí ít dùng vốn như: Văn hóa, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật,...

+ *Đối với mục tiêu số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung của tỉnh là 16,5 tiêu chí/xã*: UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm nâng cao số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân chung; đồng thời lựa chọn những cách làm hay, mô hình có hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới để áp dụng cho các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trên địa bàn.

+ *Đối với mục tiêu thành phố Nha Trang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*: UBND thành phố Nha Trang phối hợp với các sở, ngành liên quan, hoàn thành các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Nha Trang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các

cấp trong công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới, từ đó tham gia tích cực vào quá trình xây dựng nông thôn mới; đồng thời giám sát việc thực hiện Chương trình ở các địa phương đảm bảo phát huy hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở để hướng dẫn, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, giúp nhân dân hiểu rõ và tự nguyện tham gia đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương như: Hiến đất làm đường, góp công, góp của; đồng thời tham gia kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ vay vốn phát triển kinh tế gia đình; đẩy mạnh các phong trào tương thân, tương ái giúp

nhau về vốn, giống, kinh nghiệm, ngày công sản xuất. Thông qua các tổ nhóm như: “Vay vốn - tiết kiệm”, “Phụ nữ sản xuất giỏi”, “Câu lạc bộ phụ nữ khuyến nông”, các mô hình lồng ghép dân số, sức khỏe sinh sản, xoá mù chữ, thực hiện phong trào “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, để thu hút sự tham gia của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Hội Nông dân đẩy mạnh việc giới thiệu những mô hình nông dân sản xuất giỏi; hỗ trợ nông dân trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm, về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn và nghề muối. Đồng thời, vận động và kết nối với các doanh nghiệp giúp nông dân xây dựng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi liên kết sản phẩm; phối hợp với ngân hàng đẩy mạnh đầu tư tín dụng hỗ trợ cho các mô hình phát triển kinh tế. Phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy vai trò xung kích đi đầu trong các hoạt động, dám nghĩ, dám làm và dám chịu

trách nhiệm. Đẩy mạnh phong trào thanh niên lập thân lập nghiệp; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao của địa phương; tích cực tăng gia sản xuất, nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình; tham gia trồng cây xanh bảo vệ môi trường, tạo không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp.

Hội Cựu chiến binh căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, vai trò của Hội để xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí có liên quan trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 07-NQ/TU, NGÀY 11/7/2016
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII) VỀ
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

1. Những kết quả đạt được

1.1. Về các mục tiêu của Chương trình

Sau gần 5 năm (2016 - 2020) thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm còn 35,25%, bình quân giảm 9%/năm (năm 2015 là 70,76%); thu nhập bình quân của đồng bào DTTS đạt trên 14 triệu đồng/năm, tăng 1,7 lần so với năm 2015 (năm 2015 là 8,2 triệu đồng/năm); số xã miền núi đạt tiêu chí nông thôn mới về giao thông là 26/48 xã (đạt 54,2%); tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 92,4%; tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt

99,5%; tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt 93,7%; tỷ lệ hộ đồng bào DTTS sử dụng điện lưới quốc gia đạt 97%; tỷ lệ hộ đồng bào DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 92,3%; tỷ lệ lao động người DTTS qua đào tạo nghề từ trình độ sơ cấp trở lên đạt 45,63%, trong đó lao động được đào tạo từ trung cấp trở lên đạt 27,17%; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 40,2%. Dự kiến kết thúc giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy.

1.2. Về các nội dung của Chương trình

- Công tác tuyên truyền đã được các cấp, các ngành quan tâm chú trọng nhằm từng bước nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm của đồng bào DTTS đối với sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước.

Từ năm 2016 đến tháng 9/2020, đã tổ chức 188 lớp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào DTTS, với hơn 8.900 lượt người tham dự; 46 lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán

bộ cơ sở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, với gần 2.500 lượt người tham dự. Qua đó, đồng bào DTTS được tiếp cận với các nguồn thông tin về pháp luật, chấp hành pháp luật, về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, hiểu rõ thêm về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với Đảng, Nhà nước, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật; từ đó dần hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thúc đẩy sự tham gia giám sát của cộng đồng, của người dân trong thực hiện chương trình, chính sách dân tộc, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững: Hỗ trợ 1.740 hộ thực hiện các mô hình sản xuất, với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới lồng ghép hỗ trợ phát triển sản xuất cho hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, với tổng kinh phí trên 39 tỷ đồng; Chương trình 135 hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, với kinh phí trên 11 tỷ đồng. Tập huấn hướng dẫn về kỹ thuật trồng

trọt, chăn nuôi, kỹ năng, tổ chức quản lý sản xuất và tham quan, học tập mô hình phát triển sản xuất trong vùng đồng bào DTTS các địa phương ngoài tỉnh cho gần 200 lượt đồng bào DTTS.

Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân cho 1.393 hộ đồng bào DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, vay vốn hỗ trợ nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ với kinh phí trên 45 tỷ đồng và ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS. Việc thực hiện hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế hộ cho hộ dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo đã tạo điều kiện cho các hộ đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, nhờ đó đồng bào DTTS đã từng bước chủ động trong sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lựa chọn những cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương.

Ngoài việc hỗ trợ của Nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2907/QĐ-UBND, ngày 28/9/2016 phân công các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ hộ gia đình khó khăn tại các xã

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Đây là một chủ trương đúng đắn, chứa đựng tính nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh trong công tác giảm nghèo, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Các đơn vị được phân công đã tích cực vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, các mạnh thường quân đóng góp nguồn lực để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào ở các xã miền núi giảm bớt khó khăn. Theo đó, từ năm 2016 đến tháng 9/2020, tổng kinh phí đã huy động để hỗ trợ, giúp đỡ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 25 tỷ đồng.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt: Xây dựng 33 giếng đào, 34 giếng khoan cùng với bể chứa, lắng lọc cung cấp nước sinh hoạt cho đồng bào; hỗ trợ lắp đặt 10 hệ thống bơm nước, đường ống, đồng hồ nước cho 1.731 hộ.

+ Hỗ trợ nhà ở: Xây mới, sửa chữa cho 197 hộ DTTS nghèo, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 90 nhà và ngân sách huyện hỗ trợ 82 nhà.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ cho 3.260 lao động là người DTTS, trong đó đào tạo từ trung cấp trở lên là 1.955 người.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Giai đoạn 2016 - 2020, đã xây dựng 34 tuyến đường vào khu sản xuất, tạo điều kiện lưu thông, phát triển sản xuất cho đồng bào, với tổng vốn đầu tư trên 105 tỷ đồng. Lồng ghép thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS và miền núi, với kinh phí 112 tỷ đồng; Chương trình 135 hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, duy tu, bảo dưỡng công trình ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, với kinh phí trên 57 tỷ đồng. Đến nay, 100% xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đều có đường ô tô đến trung tâm xã; các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, giúp cho việc đi lại sản xuất, sinh hoạt, lưu thông vận chuyển hàng hóa được thuận lợi hơn; 100% xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình, thông tin liên lạc thông suốt; 97% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia; trên 92% dân số miền núi được sử dụng

nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân, qua đó giúp cho bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều đổi mới, khởi sắc. Các tuyến đường vào khu sản xuất tập trung của đồng bào được quan tâm xây dựng, tạo thuận lợi cho việc đi lại sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

1.3. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tỉnh đã thực hiện sáp nhập 02 xã Diên Lộc và xã Diên Bình thành xã Bình Lộc thuộc huyện Diên Khánh; xã Vĩnh Thái thuộc thành phố Nha Trang phát triển thành phường. Tỉnh Khánh Hòa có 92 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 48 xã thuộc vùng DTTS và miền núi (*chiếm 52,1% số xã*). Đến nay, có 15/48 xã vùng DTTS và miền núi được công nhận

đạt chuẩn nông thôn mới ⁽²⁾. Số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân chung trên địa bàn 48 xã là 12,5 tiêu chí/xã, thấp hơn so với bình quân chung toàn tỉnh (15 tiêu chí/xã) là 2,5 tiêu chí/xã; không có xã đạt dưới 05 tiêu chí.

- Về giáo dục - đào tạo: Công tác phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS và miền núi được quan tâm chú trọng. Mạng lưới trường lớp đã và đang phát triển ổn định theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với việc phát triển hạ tầng của các vùng dân cư trong tỉnh, bao gồm đủ các loại hình trường, lớp trong hệ thống giáo dục quốc dân, theo hướng đa dạng hóa và xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Hệ thống trường, lớp đảm bảo sự liên thông giữa các trường phổ thông với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học, đặc biệt là ở các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Công tác phổ cập giáo dục các cấp được duy trì, củng cố và phát triển tốt; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học;

2 Xã Sông Cầu (Khánh Vĩnh); xã Cam Tân, Cam Hòa, Cam Hiệp Bắc, Cam An Bắc (Cam Lâm); xã Suối Tiên (Diên Khánh); xã Vạn Lương, Vạn Phú, Xuân Sơn, Vạn Bình, Vạn Thọ (Vạn Ninh); xã Ninh Vân, Ninh Tân (Ninh Hòa); xã Cam Bình, Cam Thành Nam (Cam Ranh)

trẻ 6 tuổi ra lớp toàn tỉnh đạt trên 99%, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ trẻ em người DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 92,4%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,5%; tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt 93,7%,... Ngoài ra, tỉnh thực hiện cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào DTTS; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; cấp phát sách giáo khoa cho các đối tượng học sinh là con thương binh, liệt sĩ, người DTTS thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Về y tế và chăm sóc sức khỏe: Hệ thống hạ tầng về y tế được củng cố và phát triển; công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho đồng bào vùng DTTS và miền núi được duy trì thường xuyên; công tác phòng, chống và kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh, đặc biệt là dịch sốt xuất huyết trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố được tăng cường và quan tâm kịp thời, nhất là trong thời gian chuyển mùa, đã góp phần nâng cao sức khỏe, không để xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm

cho người dân. Thực hiện hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú là đồng bào DTTS, người thuộc diện hộ nghèo và người được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; 100% trạm y tế các xã miền núi được xây mới theo mô hình chung hoặc được sửa chữa, nâng cấp khang trang, đáp ứng được yêu cầu của Bộ Y tế và có nhân viên y tế, cán bộ y tế, bác sỹ được tăng cường về cơ sở; 100% người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo được ngân sách tỉnh hỗ trợ mua BHYT; hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo sinh con.

- Về văn hóa, thể thao, thông tin: 100% xã có nhà sinh hoạt cộng đồng; các hoạt động văn hóa như: “Ngày văn hóa các dân tộc”, “Tôn vinh già làng, trưởng bản có công đóng góp xây dựng đời sống văn hóa ở thôn, bản”, phong trào thi đua xây dựng “Làng văn hóa, gia đình văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”,... cùng với việc cấp phát một số loại báo, tạp chí, phủ sóng phát thanh truyền hình, tăng cường thời lượng phát

thanh - truyền hình bằng tiếng dân tộc đã giúp cho đội ngũ cán bộ cơ sở vùng dân tộc và miền núi nâng cao nhận thức về chính trị; kịp thời thông tin thời sự, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật,... đến với đồng bào dân tộc, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, đẩy lùi các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan trên địa bàn miền núi. Bản sắc văn hóa các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn và phát huy như: Biên tập và xuất bản 300 cuốn sách nhằm phục vụ và giới thiệu ban đọc trong và ngoài tỉnh về “Văn hóa Raglai ở Khánh Hòa”; khôi phục nhà dài dân tộc Raglai ở Khánh Hòa; trang bị các bộ mã la cho các đội văn nghệ cơ sở, dạy hát sử thi,...; đặc biệt Lễ bỏ mả của người dân tộc Raglai được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản phi vật thể quốc gia.

Các hoạt động thể thao, trò chơi dân gian mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm giữ gìn, bảo tồn và phát triển và gắn với Lễ hội truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời khuyến khích đồng bào tích cực

rèn luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe để phục vụ lao động, sản xuất, học tập.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông thôn miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Các đề tài, dự án đưa vào áp dụng như mô hình phát triển cây Ngô lai chịu hạn LVN61 tại huyện Khánh Sơn; các biện pháp kỹ thuật canh tác giống sắn cao sản tại huyện Khánh Vĩnh; xác định đối tượng và cơ cấu cây trồng phù hợp trên đất thoái hóa tại xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh; ứng dụng quy trình thâm canh cây cà phê kết hợp hệ thống tưới tiết kiệm, phù hợp điều kiện canh tác huyện Khánh Sơn; ứng dụng quy trình thâm canh cây hồ tiêu phù hợp với điều kiện canh tác huyện Khánh Sơn; mô hình thâm canh cây keo lai giâm hom để cung cấp nguyên liệu giấy tại huyện Khánh Vĩnh; đánh giá hiệu quả kinh tế của cây mít Nghệ trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh; đánh giá tính thích nghi và hiệu quả kinh tế của một số loại cây ăn quả đang trồng trên địa bàn huyện Khánh Sơn; mô hình trồng cây Dứa Cayenne trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh,... đã góp phần nâng cao

năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của một số hàng hóa tại địa phương; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao các sản phẩm khoa học công nghệ về mô hình phát triển bền vững và bảo vệ môi trường cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn hạn chế; công tác phổ biến, tuyên truyền kiến thức khoa học công nghệ đôi khi chưa phù hợp với khả năng nhận thức của đồng bào; hình thức tuyên truyền chưa sống động, chưa hấp dẫn với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, phát động sâu rộng trong cộng đồng dân cư góp phần nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch. Với việc triển khai các chính sách, chương trình đầu tư phát triển kết hợp với tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, đồng bào các dân tộc ngày càng

gắn bó, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia vào quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, qua đó góp phần tăng cường gắn kết các dân tộc, tạo nên sức mạnh và niềm tin nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Người có uy tín, quần chúng cốt cán, Tổ dân quân, tự vệ làm công tác dân vận là lực lượng nòng cốt ở cơ sở kịp thời nắm tình hình địa bàn, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa phương và xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, tham gia giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giải quyết các vụ mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư; góp phần xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh ngày càng vững chắc.

1.4. Về các nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020: Tổng vốn đầu tư ước thực hiện là 417.093/849.518 triệu đồng, đạt 49% kế hoạch, trong đó, vốn đầu tư trực tiếp chương trình là 143.246 triệu đồng, gồm 110.464 triệu đồng của

ngân sách tỉnh, 32.782 triệu đồng của ngân sách huyện, 73.082 triệu đồng vốn lồng ghép Chương trình 135, 151.948 triệu đồng vốn lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới, 45.029 triệu đồng vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội và 3.788 triệu đồng vốn huy động khác

2. Đánh giá chung

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 đã phát huy hiệu quả, bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS không ngừng được cải thiện, nhận thức pháp luật và ý thức của người dân có sự chuyển biến tích cực, góp phần ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác dân tộc, tôn giáo được chú trọng, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Việc phối hợp lồng ghép các nguồn lực, nhiệm vụ của Chương trình với các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi; cơ sở hạ tầng

thiết yếu được đầu tư ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất được triển khai, phổ biến, nhân rộng tạo hiệu quả tích cực trong việc nâng cao đời sống, thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chương trình vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số tuy có giảm nhưng nguy cơ tái nghèo còn cao. Chất lượng nguồn nhân lực, việc giải quyết đất sản xuất, tạo sinh kế và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Việc thiếu đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số đã ảnh hưởng đến vấn đề an sinh và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Một số giải pháp thực hiện đến hết năm 2020

- Huy động nguồn lực tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình

xây dựng nông thôn mới, Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, vốn hỗ trợ của Trung ương với nguồn vốn địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, đặc biệt là hạ tầng phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe,... nhằm đạt mục tiêu về giao thông theo tiêu chí nông thôn mới (70% số xã miền núi); sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (95%).

- Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội, người có uy tín để giải quyết các vướng mắc ngay từ cơ sở; kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người có uy tín tiêu biểu, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo sinh kế, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm vùng dân tộc thiểu số và miền núi; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư vào vùng dân tộc thiểu

số và miền núi, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số. Huy động sự tham gia của các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, huy động mọi nguồn lực để đầu tư hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm cho người nghèo.

- Tiếp tục vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các mạnh thường quân tham gia hỗ trợ, giúp đỡ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, khó khăn tại các xã miền núi theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND, ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả. Khuyến khích người dân, các tổ chức tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới; xây dựng Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị

Trong thời gian qua, công tác xây dựng Đảng về chính trị ở Đảng bộ tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức được nâng cao, tạo được sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá, chia rẽ nội bộ Đảng, thúc đẩy hoạt động “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; cùng với mặt trái của cơ chế thị trường, công tác xây dựng Đảng về chính trị của Đảng bộ tỉnh đã bộc lộ hạn chế, yếu kém, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối

với Đảng. Thực trạng này đã được Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) chỉ ra.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 25-KH/TU, ngày 20/3/2012, Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 23/12/2016 và một số văn bản chỉ đạo triển khai một số công tác cụ thể thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng đã ban hành một số văn bản triển khai thực hiện. Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị đã cụ thể hóa thành những kế hoạch, chương trình hành động thực hiện; đưa việc thực hiện Nghị quyết vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, quý, tháng, lồng ghép chặt chẽ với thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp; lựa chọn những vấn đề tồn tại, nổi cộm, những vấn đề cần làm rõ sau kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) hoặc những vấn đề trọng tâm để tập trung giải quyết. Song song với đó, Ban Thường vụ Tỉnh

ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm³. Qua đó, đã tạo được một số chuyển biến quan trọng, như:

(1) Góp phần củng cố, nâng cao và thống nhất nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng.

(2) Kịp thời sửa chữa, khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm, yếu kém trên một số lĩnh vực của công tác xây dựng Đảng.

(3) Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi được một số biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên, góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng.

(4) Việc tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình kết hợp với kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và công tác điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật được thực hiện nghiêm túc.

3 Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị và Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

(5) Đã nhận diện rõ hơn những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; đồng thời, quán triệt yêu cầu và sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII)...

(6) Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

2. Công tác tư tưởng, lý luận

Từ đầu nhiệm kỳ, nhất là trong quá trình triển khai Kế hoạch số 100-KH/TU, ngày 19/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 08/02/2018 của Ban Bí thư về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú ý tổng kết những mô hình mới, cách làm hay, kinh nghiệm được rút ra trong thực tiễn triển khai trên một số lĩnh vực để đánh giá, kết luận và nhân rộng. Thông qua việc tổng kết thực tiễn, nhất là tổng kết việc thực

hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, cơ chế, chính sách của cấp ủy, chính quyền địa phương; làm cơ sở quan trọng trong việc xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh; đề xuất Trung ương nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn.

Về công tác nghiên cứu lý luận: Đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận của tỉnh chủ yếu tập trung tại Trường Chính trị tỉnh và các khoa, bộ môn chính trị ở các trường đại học, học viện, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Công tác tổ chức và đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu lý luận được các đơn vị, địa phương quan tâm. Một số đề tài, công trình nghiên cứu được vận dụng trong việc đề ra các chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh và được áp dụng vào thực tiễn có hiệu quả; đề xuất các luận cứ khoa học để xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế - quốc tế; những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng, củng cố tổ chức cơ sở đảng.

Công tác tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân được quan tâm thường xuyên, nhất là trong các cơ quan truyền thông đại chúng, trong hệ thống các trường đào tạo, các cơ quan lý luận của Đảng, Nhà nước, hệ thống giáo dục quốc dân, các tổ chức chính trị - xã hội... Chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng không ngừng được nâng lên, ý thức rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên được đặc biệt coi trọng. Việc học tập các môn lý luận chính trị về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được đưa vào giảng dạy ở tất cả các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Các chương trình được biên soạn phù hợp với từng đối tượng. Tất cả cán bộ, đảng viên đang công tác trong hệ thống chính trị đều phải học tập, quán triệt là yêu cầu và là một tiêu chí quan trọng để đánh giá phẩm chất, năng lực cán bộ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm tới công tác tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, xem đó là khâu đầu tiên, có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả triển khai cụ thể. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 16/01/2017 về *học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh* nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp tiếp tục đổi mới phương pháp tuyên truyền, công tác nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Việc tổ chức các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức trực tuyến tới các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã cơ bản đi vào nền nếp. Mỗi đợt học tập, quán triệt, toàn tỉnh có khoảng hơn 40.000 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đoàn viên, hội viên; chiến sĩ lực lượng vũ trang tham dự.

Nội dung giảng dạy lý luận chính trị của Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cấp huyện ngoài chương trình do Trung ương biên soạn, Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm chính trị cấp huyện đều có cơ cấu thêm một số bài về tình hình thực tế ở địa phương, các báo cáo thực tế của cơ sở và tình hình thời sự trong nước và quốc tế tùy theo từng đối tượng người học. Bên cạnh đó, các trung tâm chính trị còn phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể xây dựng các chương trình bồi dưỡng, tập huấn phù hợp cho cán bộ cơ sở. Việc thông tin những vấn đề lý luận và thực tiễn mới nhằm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thường xuyên cho cán bộ các cấp cũng được quan tâm. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở 06 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ nguồn diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (02 lớp) và diện Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý (04 lớp). Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mời từ 01 - 02 chuyên gia cao cấp, báo cáo viên Trung ương báo cáo những vấn đề lý luận và tình hình thời sự trong nước, quốc tế nổi bật. Ban Tuyên giáo

các cấp cũng tổ chức các hội nghị báo cáo viên và hội nghị thời sự định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh.

Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất coi trọng đấu tranh phê phán những quan điểm, nhận thức sai trái - nguyên nhân chủ yếu dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận. Đồng thời, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực vi phạm đạo đức, lối sống. Đến nay, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh đã có sự trưởng thành về mọi mặt, đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển của tỉnh.

3. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

Nhìn chung, việc chấp hành và nêu gương của cán bộ lãnh đạo chủ chốt theo các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy trong thời gian qua được thể hiện qua tư tưởng chính trị vững vàng, ổn định; đạo đức, lối sống, tác phong chuẩn mực, gương mẫu; công tác tự phê bình và phê bình

từng bước có tiến bộ; mối quan hệ với Nhân dân, chính quyền địa phương chặt chẽ, tích cực; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; nêu cao tinh thần, ý thức tổ chức kỷ luật; xây dựng và giữ vững khối đoàn kết, thống nhất, dân chủ; trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ năng lực chuyên môn và lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương.

Hàng năm, căn cứ chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh đều có kế hoạch của tập thể và bản đảng ký xây dựng kế hoạch thực hiện và bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt hàng tháng tại chi bộ; đồng thời, chỉ đạo cơ quan, đơn vị có kế hoạch và định kỳ tổ chức sinh hoạt chuyên đề học tập và làm theo tấm gương của Bác. Trong quá trình học tập, cùng với các nội dung chuyên đề do Tỉnh ủy và các cơ quan

tham mưu giúp việc Tỉnh ủy hướng dẫn, các cấp ủy, tổ chức đảng chủ động xây dựng nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sát hợp, thiết thực với cơ quan, đơn vị, gắn với nhiệm vụ chính trị được giao, coi đây là công việc quan trọng, thường xuyên.

Qua kiểm điểm, đánh giá cán bộ, công chức, phân loại tổ chức đảng và đảng viên; đối chiếu 27 biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) hàng năm, đã nhận diện một số tổ chức, cá nhân⁴.

4 Năm 2016: Có 01 đảng bộ cơ sở và 03 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở xếp loại “Yếu kém” có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Trong số 76 đảng viên xếp loại “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”, cấp ủy các cấp nhận xét, đánh giá có 54 đảng viên có các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (18 đảng viên tự nhận có các biểu hiện, 36 đảng viên do cấp ủy, chi bộ nhận xét, kết luận). Các tổ chức đảng và đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị nêu trên, trong năm 2017 đã được các cấp ủy tập trung chỉ đạo khắc phục.

Năm 2017, có 03 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở xếp loại “Yếu kém” có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Trong số 88 đảng viên xếp loại “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”, cấp ủy các cấp nhận xét, đánh giá có 57 đảng viên có các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (21 đảng viên tự nhận có các biểu hiện, 26 đảng viên do cấp ủy, chi bộ nhận xét, kết luận). Các tổ chức đảng và đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị nêu trên, trong năm 2018 đã khắc phục được 02 chi bộ, 01 chi bộ trong doanh nghiệp giải thể; còn 03 đảng viên chưa khắc

Việc tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị được tiến hành theo quy định. Nhiều tổ chức cơ sở đảng cũng đã quan tâm tổ chức hoạt động thi đua, khen thưởng trong thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW. Việc học tập và làm theo tấm gương của Bác tiếp tục có chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong Đảng bộ đã có những việc làm cụ thể, tự giác, gương mẫu, tập trung giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc tại cơ quan, đơn vị.

phục được và 08 đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, khai trừ, xóa tên, nghỉ việc.

Năm 2018, có 11 đảng bộ, chi bộ cơ sở và 06 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Trong số 96 đảng viên xếp loại “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”, có 70 đảng viên có các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (*15 đảng viên tự nhận có các biểu hiện, 55 đảng viên do cấp ủy, chi bộ nhận xét, kết luận*). Các tổ chức đảng và đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị nêu trên, đang được các cấp ủy tập trung chỉ đạo khắc phục.

Năm 2019, có 03 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”. Có 17 đảng viên xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ”, 10 đảng viên có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, 11 đảng viên hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu và 71 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Các tổ chức đảng và đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị nêu trên, đang được cấp ủy tập trung chỉ đạo khắc phục.

Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị phát huy vai trò nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống để làm gương cho đảng viên, quần chúng noi theo; tích cực trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng tác phong công tác, phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, quần chúng, nêu gương, nói đi đôi với làm, lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến tích cực trong việc nêu gương về đạo đức và trách nhiệm thực thi công vụ của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; mối quan hệ với nhân dân, chính quyền địa phương chặt chẽ, tích cực; xây dựng và giữ vững khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Tuy nhiên, nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức,

việc xây dựng chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong một số cán bộ, đảng viên, cơ quan, đơn vị chưa tốt. Việc cụ thể hóa nội dung nêu gương đối với cán bộ, đảng viên ở từng cấp mặc dù đã xây dựng nhưng nội dung để nêu gương ở một số tổ chức thiếu cụ thể; công tác phát hiện, biểu dương, tôn vinh những cán bộ, đảng viên thực hiện tốt quy định nêu gương chưa nhiều, hình ảnh nêu gương chưa thật sự điển hình tiêu biểu; giám sát thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên được triển khai nhưng chưa nhiều, chưa thành nề nếp. Vẫn còn tình trạng né nang, né tránh, ngại va chạm trong đấu tranh tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên thể hiện trong sinh hoạt chi bộ, kiểm điểm cuối năm. Vẫn còn một số đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, ý thức tổ chức, kỷ luật, chấp hành chưa nghiêm quy định về những điều đảng viên không được làm dẫn đến vi phạm phải xử lý kỷ luật, nhất là vi phạm chính sách dân số, quản lý kinh tế, đạo đức lối sống.

4. Xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị

Thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành các văn bản để triển khai đồng bộ các nghị quyết trên địa bàn tỉnh. Tất cả các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và hầu hết các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị đã cụ thể hóa thành những kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi của địa phương, đơn vị; trong đó lồng ghép, gắn việc thực hiện Nghị quyết với chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, quý, tháng và gắn với các nội dung, mục tiêu thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình và các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020.

** Kết quả thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII):*

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành một số văn bản: Quyết định số 742-QĐ/TU, ngày 14/9/2018 về việc giải thể Đảng bộ Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh; Quyết định số 699-QĐ/TU, ngày 10/7/2018 về việc chuyển

giao chức năng, nhiệm vụ và biên chế của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh về Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Bệnh viện Đa khoa tỉnh quản lý; Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 10/10/2018 về xây dựng Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung cho Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, thực hiện từ ngày 01/01/2019.

- Thực hiện Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành và quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế các đơn vị trực thuộc 6 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy. Theo đó, 100% các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy đều giảm số lượng đầu mối bên trong ít hơn 01 đơn vị so với quy định tối đa của Trung ương.

- Để chủ động tinh gọn bộ máy trong các cơ quan chuyên môn thuộc cấp tỉnh, UBND tỉnh đã

ban hành các quyết định sáp nhập một số phòng chuyên môn thuộc các cơ quan chuyên môn⁵.

- Tỉnh đã hoàn thành mục tiêu 100% các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chủ trương trưởng ban tuyên giáo cấp ủy đồng thời là giám đốc trung tâm chính trị.

- Thực hiện chủ trương trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện ở 05/08 đơn vị cấp huyện (*thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh, Cam Lâm và Vạn Ninh*).

- Về sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính hai xã Diên Bình, Diên Lộc thuộc huyện Diên Khánh do chưa đạt 50% tiêu chuẩn quy định của cả hai tiêu chí là diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2030, tiếp tục nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và dân số theo quy định.

5 Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Thanh Tra tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Đến nay, số lượng các phòng chuyên môn đã giảm 5 đầu mối.

- Trên cơ sở thực trạng về quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2122/KH-UBND, ngày 13/7/2018 về việc sáp nhập các thôn, tổ dân phố chưa đủ điều kiện theo quy định trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, do vướng mắc trong việc sáp nhập các thôn, tổ dân phố chưa đủ điều kiện theo quy định và sự thống nhất trong cả nước nên UBND tỉnh ban hành Công văn số 7892/UBND, ngày 03/8/2018 về việc tạm dừng sáp nhập thôn, tổ dân phố chưa đủ điều kiện theo quy định cho đến khi có văn bản hướng dẫn mới của Bộ Nội vụ.

- Tập trung đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên trong các thôn, tổ dân phố và trường học theo Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 29/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đầu năm 2019, các thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh đều có đảng viên, chỉ còn 03 chi bộ sinh hoạt ghép ở 07/990 thôn, tổ dân phố ở vùng ven biển chưa có chi bộ độc lập (*không tính 02 xã và 01 thị trấn ở huyện đảo Trường Sa*);

432 đồng chí trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên; 27 đồng chí bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; đẩy mạnh việc thực hiện trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phải là đảng viên và bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Đến nay, đạt 100% thôn, tổ dân phố đều có chi bộ độc lập.

- Đối với các ban chỉ đạo: Đây là tổ chức phối hợp liên ngành, thành viên của các ban chỉ đạo hoạt động kiêm nhiệm, không giao biên chế. Hiện nay, UBND tỉnh đã sáp nhập 04 ban chỉ đạo các chương trình trọng điểm thành một ban chỉ đạo.

- Thực hiện Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư xây dựng, ngày 27/12/2016, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các ban quản lý dự án trực thuộc tỉnh⁶.

6 Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp; Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh. Các đơn vị chính thức hoạt động theo tổ chức mới từ ngày 01/01/2017.

Sau khi tiến hành sắp xếp lại, tổng số đơn vị
sự nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm 28 đơn vị⁷.

7 Quyết định thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống sốt rét, ký sinh trùng, Trung tâm nội tiết, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Quyết định tổ chức lại Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình thành 01 trung tâm; Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Điện ảnh và Trung tâm Văn hóa, thể thao; Quyết định sáp nhập các trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện với đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện thành Trung Tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao cấp huyện; Quyết định sáp nhập Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Học nghề cấp huyện vào Trường Trung cấp nghề cấp huyện; Quyết định hợp nhất Ban Quản lý rừng Vạn Ninh và Ninh Hòa thành Ban Quản lý rừng Bắc Khánh Hòa; Quyết định hợp nhất Ban Quản lý rừng Cam Lâm và Khánh Sơn thành Ban Quản lý rừng Nam Khánh Hòa.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Thủy sản, Trạm Khuyến nông cấp huyện thành Trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đang sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp phổ thông một cách hợp lý, thu gọn các điểm trường; đang trình UBND tỉnh phương án, lộ trình và giải pháp sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở mầm non.

- Đã hoàn chỉnh và trình xin ý kiến thống nhất của Trung ương về Đề án thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Khánh Hòa trực thuộc UBND tỉnh trên cơ sở sáp nhập từ 03 đơn vị: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch thuộc Sở Du lịch, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương.

** Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kết luận số 17 của Bộ Chính trị:*

- Kết quả tinh giản biên chế: Từ khi có Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) đến nay, toàn tỉnh giảm 135 biên chế hành chính; 599 biên chế sự nghiệp (*trong đó cấp tỉnh 199 biên chế, cấp huyện 400 biên chế*).

- Kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh đến năm 2021 đảm bảo tỷ lệ 10% theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị:

+ Khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội: Năm 2019: Số người nghỉ là 33 người, năm 2020: 27 người, năm 2021: 24 người.

+ Khối chính quyền: Năm 2019: Số người nghỉ là 331 người, năm 2020: 509 người, năm 2021: 483 người.

** Việc xây dựng đề án vị trí việc làm ở các cơ quan, đơn vị, tổ chức*

- Khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (*Đề án VTVL*) của cơ quan, đơn vị mình. Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Đề án VTVL về Ban Tổ chức Tỉnh

ủy tổng hợp trình Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thẩm định; trên cơ sở đó hoàn chỉnh Đề án VTVL của Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng trình Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt.

- Khối chính quyền: Đã hoàn chỉnh Đề án VTVL và cơ cấu ngạch công chức; trình Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 6100/TTr-UBND, ngày 02/10/2014; căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-BNV, ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định mô tả chi tiết công việc của vị trí việc làm và khung năng lực trong các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố. Bước

đầu đã mang lại một số kết quả, cụ thể: Phát hiện những chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của các vị trí việc làm, các cơ quan, tổ chức; phục vụ hiệu quả hoạt động tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức, đánh giá, quy hoạch cán bộ. Đối với vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp công lập, đã xây dựng Đề án và báo cáo Bộ Nội vụ, căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại vị trí việc làm để Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành phê duyệt theo phân cấp của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các văn bản pháp luật của Chính phủ và bộ, ngành Trung ương trong công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy, chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời để cụ thể hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Giai đoạn đầu triển khai thực hiện, thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị còn e ngại, nể nang, chưa tích cực, chủ động đề xuất sắp xếp tổ chức bộ

máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Chế độ tiền lương cũng như các chế độ đãi ngộ khác đối với công chức, viên chức so với những người có cùng trình độ làm việc tại doanh nghiệp còn thấp hơn rất nhiều, đặc biệt là công chức, viên chức trẻ, đời sống của nhiều công chức, viên chức còn khó khăn nên không đủ sức để “giữ chân” và “thu hút” người thực giỏi vào làm việc trong cơ quan, tổ chức nhà nước.

5. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

5.1. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng

Các cấp ủy trực thuộc tỉnh đã tổ chức triển khai, quán triệt đầy đủ các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, Đảng bộ trong các loại hình; trọng tâm là lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng khóa XII.

Quan tâm chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng xây dựng quy chế hoạt động; sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới; củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng ở cơ sở; thường xuyên bám sát cơ sở,

cùng cấp ủy giải quyết nhiều vấn đề quan trọng, vướng mắc; qua đó giúp các cấp ủy, tổ chức đảng không ngừng cải tiến, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, nâng cao chất lượng hoạt động. Hầu hết các tổ chức đảng cơ sở đã thực hiện đúng vai trò là hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở, số lượng tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ không ngừng được củng cố; cơ cấu tổ chức đảng mang tính toàn diện, tương đối đồng đều ở tất cả các lĩnh vực. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng được giữ vững và có chiều hướng phát triển tốt, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở.

Để đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên trong các thôn, tổ dân phố và trường học, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 29/3/2017 về *phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các thôn, tổ dân phố và trường học giai đoạn 2017 - 2020*. Trước khi có Đề án, vẫn còn 10 thôn, tổ dân phố chưa có chi bộ độc lập, còn sinh hoạt ghép; 07 trường THCS, 14 trường tiểu học, 41 trường mẫu giáo công lập, 46 trường mẫu giáo tư thục chưa có tổ chức đảng; 71 trường chưa có

đảng viên - chủ yếu là các trường bậc mẫu giáo. Đến nay, toàn tỉnh có 100% thôn, tổ dân phố và trường học đều có chi bộ độc lập, không còn chi bộ ghép; các trường học đều có đảng viên, nhưng vẫn còn 19 chi bộ sinh hoạt ghép tập trung ở các trường mầm non và tiểu học.

Ngoài ra, tỉnh cũng đang tập trung thực hiện công tác phát triển đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân theo Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 07/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã thành lập mới 28 tổ chức đảng (*13 chi bộ cơ sở; 07 chi bộ dưới cơ sở, 03 chi bộ đặc thù và 05 chi bộ dưới cơ sở đặc thù*) trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

Thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị, tỉnh đã tiến hành giải thể 105/105 (100%) các chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn và đưa đảng viên về sinh hoạt tại chi bộ khu dân cư; chuyển các tổ chức đảng ở chi cục thuế, đội quản lý thị trường trực thuộc cấp huyện sang trực thuộc Đảng ủy Cục Thuế tỉnh, Đảng ủy Cục Quản lý thị trường tỉnh.

Chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng theo hướng đổi mới, chú trọng đi vào chất lượng, đánh giá đúng thực chất năng lực hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng. Sau đánh giá, các cấp ủy đã quan tâm kịp thời củng cố những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không để kéo dài bằng các giải pháp thích hợp.

Các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư; Kết luận số 18-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới; Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW và Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về nội dung sinh hoạt chi bộ đến tất cả các tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở đó, các chi, đảng bộ đã đổi mới về hình thức, nội dung sinh hoạt (sinh hoạt chi bộ hàng tháng gắn với triển khai chỉ thị, nghị quyết của Đảng thông qua trực tuyến); duy trì nền nếp sinh hoạt đảng theo đúng định kỳ, tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt đạt từ 90 - 99%. Các cấp ủy quan tâm

chỉ đạo đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ theo hướng bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương để xây dựng nghị quyết lãnh đạo cụ thể, có phân công, phân nhiệm trong tổ chức thực hiện; có sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả và khen thưởng cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong tổ chức thực hiện, từ đó chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng ủy cơ sở được nâng lên, vai trò của tổ chức đảng được khẳng định là nhân tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

Trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ luôn đảm bảo phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết nội bộ, nhiều chi bộ bám sát tình hình nhiệm vụ của địa phương, đơn vị chọn một số chuyên đề trọng tâm, có tính bức xúc để đưa ra trao đổi, thảo luận và có nghị quyết lãnh đạo cụ thể nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Các cấp ủy cấp trên thường xuyên theo dõi, hướng dẫn các chi bộ, Đảng bộ cơ sở về nội dung sinh hoạt.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cấp ủy chưa duy trì thường xuyên chế độ họp chi ủy trước kỳ họp chi bộ; chưa chuẩn bị kỹ chương trình, nội dung sinh hoạt chi bộ và phân công cấp ủy điều hành. Vai trò, trách nhiệm của một số đồng chí chủ trì sinh hoạt chi bộ còn hạn chế, chưa chuẩn bị tốt nội dung sinh hoạt, phương pháp điều hành chưa khoa học, chưa biết gợi ý các nội dung cơ bản để đảng viên tập trung tham gia thảo luận; kết thúc cuộc họp đồng chí chủ trì chưa kết luận những nội dung trọng tâm, cụ thể để chi bộ biểu quyết đưa vào nghị quyết chi bộ lãnh đạo thực hiện. Nội dung sinh hoạt chuyên đề theo từng quý chưa được chi bộ triển khai thực hiện thường xuyên, nội dung chọn sinh hoạt có nơi chưa thiết thực. Chất lượng sinh hoạt của một số chi bộ trong các đơn vị kinh tế tư nhân chưa cao, chưa phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng trong đơn vị.

5.2. Không ngừng tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Việc quản lý đội ngũ đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, đúng

quy định của Điều lệ Đảng và nghiệp vụ công tác đảng viên. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng cao. Cùng với duy trì tốt công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, các cấp ủy đã triển khai thực hiện tốt công tác đánh giá, phân loại đảng viên hàng năm, tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên luôn đạt trên 90%, số đảng viên vi phạm, yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ dưới 1%.

Kết quả là số lượng quần chúng được kết nạp vào Đảng hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra⁸; chất lượng đảng viên kết nạp vào Đảng ngày càng được nâng lên.

Thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 29/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các thôn, tổ dân phố và trường học giai đoạn 2017 - 2020*, toàn tỉnh đã kết nạp 03 đảng viên là học sinh; thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 07/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *phát triển đảng*,

8 Tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng trong 4 năm (2016 - 2019): 7369 đảng viên (năm 2016: 1997 đảng viên; năm 2017: 1953 đảng viên; năm 2018: 1764 đảng viên; năm 2019: 1655 đảng viên).

đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh đã kết nạp được 11 đảng viên là người đứng đầu các đơn vị kinh tế tư nhân và 38 đảng viên là người tham gia quản lý trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 115-KH/TU, ngày 07/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng*, qua đợt rà soát đến ngày 19/5/2019, số lượng đảng viên được đề nghị đưa ra khỏi Đảng là 145 trường hợp (*trong đó: 78 trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ; 7 trường hợp không thực hiện đúng chế độ chuyển sinh hoạt hoặc đã chuyển sinh hoạt đảng nhưng không nộp hồ sơ cho tổ chức đảng có thẩm quyền; 52 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước; 12 trường hợp thiếu gương mẫu, uy tín trong Nhân dân thấp*).

Tuy nhiên, công tác tạo nguồn quần chúng gặp nhiều khó khăn: Trong các cơ quan, đơn vị

do số lượng biên chế ổn định, cán bộ, công chức, viên chức đã là đảng viên, đồng thời hiện nay đang triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, cũng ảnh hưởng đến nguồn quần chúng. Trong thôn, tổ dân phố, khu dân cư, quần chúng không đảm bảo tiêu chuẩn kết nạp đảng về trình độ hoặc độ tuổi. Bên cạnh đó, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có sự biến động về lao động, thực hiện cổ phần hóa; tình hình tư tưởng, tâm tư của quần chúng trước những vấn đề của xã hội cũng ảnh hưởng đến công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên; một số quần chúng có vấn đề về lịch sử chính trị phải mất nhiều thời gian sưu tra, xác minh.

6. Về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng

Trong nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp kiểm tra 4.167 tổ chức đảng (*tăng 1.887 tổ chức đảng so với nhiệm kỳ trước*), 5.489 đảng viên (*tăng 561 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*). Nội dung kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên tập trung chủ yếu vào việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước; công tác cán bộ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung, dân chủ, đoàn kết nội bộ; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống; việc thực hiện những điều đảng viên không được làm... Các đoàn kiểm tra đã chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm để các tổ chức đảng và đảng viên có biện pháp sửa chữa, khắc phục.

Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc đã phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ theo dõi địa bàn để nắm bắt tình hình, kịp thời phản ánh và giải quyết những vướng mắc ngay tại cơ sở. Ngoài ra, cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp thực hiện giám sát thường xuyên thông qua báo cáo, tham dự các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị chuyên đề để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp dưới.

Ủy ban Kiểm tra các cấp phối hợp với các ban của cấp ủy tham mưu giúp cấp ủy giám

sát chuyên đề đối với 1.565 tổ chức đảng (*tăng 922 tổ chức đảng so với nhiệm kỳ trước*), 3.418 đảng viên (*tăng 2.835 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*). Nội dung giám sát tập trung vào việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, quy chế, quy định của cấp ủy cấp trên và cấp mình; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cấp mình; công tác cán bộ... Qua giám sát, đã chỉ rõ hạn chế, khuyết điểm để kịp thời chấn chỉnh, sửa chữa, khắc phục; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và ý thức trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên.

Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật và tham mưu cho cấp ủy thi hành kỷ luật đối với 365 đảng viên (*giảm 173 đảng viên so với nhiệm kỳ trước, có 117 đảng viên là cấp ủy viên các cấp*). Nội dung vi phạm chủ yếu về những điều đảng viên không được làm, thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo,

chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, phẩm chất đạo đức, lối sống; vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất, đầu tư xây dựng, đấu thầu, tài chính, thuế... Cấp ủy các cấp thi hành kỷ luật 08 tổ chức đảng vi phạm (*giảm 01 tổ chức so với nhiệm kỳ trước*).

Năm 2020, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tham mưu cho Tỉnh ủy xem xét, thi hành kỷ luật đối với 03 đồng chí là Tỉnh ủy viên và tiến hành xử lý theo thẩm quyền 03 đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có vi phạm theo Thông báo số 680; các hình thức đề nghị thi hành kỷ luật và thi hành kỷ luật phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm nên vừa đảm bảo tính giáo dục, răn đe, vừa giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Nhìn chung, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kịp thời tham mưu cho cấp ủy giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng; việc thi hành kỷ luật được đảm bảo chặt chẽ, đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục. Qua kiểm tra, giám sát đánh giá đúng ưu điểm, chỉ rõ những vi phạm, khuyết điểm và

xử lý nghiêm minh, kịp thời các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra.

7. Công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Công tác dân vận của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, đã phát động và tổ chức nhiều phong trào, cuộc vận động gắn với phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia, tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng xã hội, góp phần thực

hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang có những chuyển biến tích cực gắn với triển khai thực hiện tốt các giải pháp phát triển kinh tế, thực hiện an sinh xã hội, cải cách hành chính, nâng cao thái độ, tinh thần phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức; quan tâm giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân và các doanh nghiệp; tăng cường công tác tiếp dân, tổ chức đối thoại và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng, đem lại hiệu quả tốt trong đời sống xã hội, góp phần nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động hệ thống chính trị; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước về công tác dân tộc, tôn giáo được tổ chức thực hiện tốt, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ hoạt động theo đúng quy định pháp luật, đường hướng hành đạo, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dân vận trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được đẩy mạnh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tập trung vận động theo hướng đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; triển khai và thực hiện các nội dung giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, công tác dân vận trong thời gian qua còn một số mặt hạn chế như: Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận ở một số nơi chưa đạt kết quả cao; phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối

với hệ thống chính trị về công tác dân vận chậm đổi mới, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Công tác dân vận trong hệ thống cơ quan nhà nước có lúc, có việc thiếu linh hoạt, nhạy bén, phát sinh thắc mắc, khiếu kiện trong nhân dân. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ, vị trí, vai trò của công tác dân vận. Hoạt động các đoàn thể có nơi còn hạn chế; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có nội dung chưa được đầy đủ; công tác phối hợp nắm tình hình hoạt động tôn giáo, xây cơ sở thờ tự tôn giáo có lúc chưa chặt chẽ, xử lý giải quyết các vi phạm pháp luật không kịp thời.

8. Công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể trong tỉnh thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là thực hiện Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương

3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và Kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; ban hành Kế hoạch rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội toàn hàng năm theo Chương trình công tác trọng tâm của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác nội chính⁹.

Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ngành chức năng trong công tác phòng, chống tham nhũng; phát huy vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các cơ

9 Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kết luận số 01-KL/TW, ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị, khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW và Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

quan báo, đài và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung chỉ đạo xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, bảo đảm tính nghiêm minh, đúng quy định pháp luật. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân.

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng, qua đó: Đã thực hiện các cuộc kiểm tra về công khai, minh bạch trên các lĩnh vực hoạt động; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức; thực hiện các cuộc kiểm tra về chế độ, định mức, tiêu chuẩn và quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tiến hành kiểm tra, cắt giảm và đề nghị bổ sung tài liệu chứng từ pháp lý đối với các khoản chi; hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập hàng năm theo quy định. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân.

9. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII đã xây dựng quy chế, chương trình làm việc toàn khóa, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; kịp thời báo cáo xin ý kiến tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề nhạy cảm, khó khăn trong quá trình phát triển của tỉnh; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan Trung ương khi cần thiết đối với những vấn đề liên quan đến địa phương. Phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được đổi mới theo hướng sâu sát cơ sở, nắm chắc thông tin, trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ; xác định kế hoạch, công việc, mục tiêu rõ ràng; biện pháp khả thi, hiệu quả; quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành. Các công việc theo chương trình công tác toàn

khóa đề ra được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, hoàn thành về cơ bản. Thực hiện phương châm “*tỉnh sát xã, huyện sát thôn, tổ dân phố; xã, phường sát từng hộ dân*”, toàn bộ các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đều được phân công trực tiếp theo dõi, phụ trách một số xã, phường. Trong đó, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy phải phụ trách những xã thuộc diện khó khăn, đặc biệt khó khăn. Trong chương trình công tác hàng năm, các đồng chí được phân công theo dõi, phụ trách đều xây dựng nội dung kiểm tra, chỉ đạo các địa phương được phân công. Nhờ đó, kinh tế - xã hội ở các xã, phường được định hướng ở tầm cao hơn; những vướng mắc trong thực tiễn được xử lý kịp thời, hiệu quả.

Nhằm đổi mới mạnh mẽ từ thực tiễn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo ban hành Cẩm nang sinh hoạt chi bộ, chỉ đạo, hướng dẫn cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nhờ đó, nội dung sinh hoạt chi bộ ngày càng đi vào chiều sâu, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, phù

hợp với từng loại hình, gắn với thực hiện các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Một số chi bộ trong tỉnh tập hợp những ý kiến, dư luận của nhân dân phê phán cán bộ, đảng viên, lựa chọn một số vấn đề bức xúc, nổi cộm trong lĩnh vực tư tưởng, đạo đức đưa vào nội dung sinh hoạt chi bộ nhằm cảnh báo, nhắc nhở, bàn biện pháp sửa chữa, khắc phục.

Công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng được tập trung chỉ đạo. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác ban hành văn bản; ban hành quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành văn bản trong hoạt động của Đảng bộ tỉnh; quy định chế độ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, cải cách trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản và yêu cầu thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Nhìn chung hầu hết các văn bản lãnh đạo của Đảng cơ bản được chuẩn hóa, nội dung rõ ràng, không trái với Điều lệ Đảng, chủ trương, chính

sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và đúng thể loại, thẩm quyền. Việc dự thảo, thẩm định văn bản được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy trình. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan đảng được chú trọng, cơ sở vật chất, trang thiết bị tin học được đầu tư khá đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian trong giải quyết công việc.

Tuy nhiên, việc xác định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy ở một số Đảng bộ còn chưa sâu sát, việc nhận thức, tổ chức hoạt động chưa đúng chức năng nhiệm vụ; cá biệt có tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với một vài lĩnh vực. Chất lượng cụ thể hóa nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên còn hạn chế, thiếu sáng tạo. Công tác cải cách thủ tục hành chính trong Đảng còn chậm. Một số cấp ủy địa phương, đơn vị chậm đổi mới phương thức lãnh đạo đối với công tác tư tưởng; công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chưa có tính thuyết phục, thiếu sự sáng tạo để phù hợp với thực tiễn của

địa phương, đơn vị, nhất là hai huyện và các xã miền núi, các xã vùng sâu, vùng xa. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng xử với nhân dân của một số cấp ủy, chính quyền còn chậm.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Việc hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

Việc triển khai, thực hiện nội dung Điều lệ Đảng, Quy định và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng ở tỉnh đã được thực hiện kịp thời, nghiêm túc từ tỉnh đến cơ sở; nhìn chung đảm bảo mục đích, yêu cầu và nội dung, thời gian. Cán bộ, đảng viên làm công tác đảng đã nắm được những vấn đề cơ bản của nội dung Điều lệ Đảng, Quy định và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, nhất là những điểm mới, những điểm bổ sung, sửa đổi.

2. Về đảng viên

Đa số đảng viên đều xác định lập trường quan điểm chính trị rõ ràng, chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên theo quy định, luôn nêu cao tinh

thần trách nhiệm, có ý thức tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tự giác học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tích cực thực hiện công tác xây dựng tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đều xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với đảng viên trong chi bộ, làm tốt công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên trong các kỳ sinh hoạt; thực hiện đầy đủ thủ tục khi giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên; thường xuyên quan tâm xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi để đảng viên được tham gia học tập, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, học tập các chỉ thị, nghị quyết của đảng, tham gia nghiên cứu, thảo luận, góp ý dự thảo văn kiện đại hội, các văn bản của Đảng trước khi quyết định triển khai thực hiện; đảm bảo chế độ thông tin đến với đảng viên thông qua các kỳ sinh hoạt chi bộ hàng tháng, các hội nghị cấp ủy, tạo điều kiện thuận lợi để đảng viên được trình bày ý kiến, chất vấn,

phê bình trong sinh hoạt đảng, qua đó cấp ủy tiếp thu, trả lời cụ thể, những nội dung khó khăn, phức tạp được thảo luận làm rõ; đảng viên có sai phạm phải thi hành kỷ luật, trước khi quyết định đều được cấp ủy tổ chức gặp gỡ để đảng viên trình bày rõ quan điểm, ý kiến của mình; trong các kỳ đại hội quyền ứng cử, đề cử và bầu cử của đảng viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo tính dân chủ, tập trung trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đảng viên tuân thủ và chấp hành mọi quyết định của cấp ủy, không có trường hợp đảng viên vi phạm khiếu nại về vi phạm quyền của đảng viên.

Công tác tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên được xem là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng của tỉnh, qua công tác rà soát nguồn quần chúng tại cơ sở và trong từng lĩnh vực. Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 phấn đấu kết nạp đảng viên hàng năm trên 1.800 đảng viên. Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm đến công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân, đã ban hành đề án và thành

lập Ban Chỉ đạo, trên cơ sở đó các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh cũng ban hành kế hoạch và thành lập các ban chỉ đạo và tổ công tác để thực hiện vấn đề này. Công tác kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức thực hiện đảm bảo quy trình, thủ tục về hồ sơ; đối với những quần chúng có lịch sử chính trị phức tạp đều được sưu tra, xác minh và cấp ủy kết luận trước khi xem xét kết nạp vào Đảng. Kết quả công tác kết nạp đảng viên đã từng bước giúp các chi bộ phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị tại cơ sở, chất lượng đảng viên mới kết nạp nhìn chung được nâng lên về mặt nhận thức, giác ngộ, trình độ học vấn, tuổi đời đảng viên mới kết nạp trẻ, có ý chí phấn đấu, rèn luyện và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ phân công.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, một số ít đảng viên vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm như: Chưa tự giác học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nhận thức, năng lực chuyên môn, chưa mạnh dạn trong thực hiện nguyên tắc về tự phê bình và phê bình; đối với các chi bộ thôn, tổ dân phố đa số là đảng viên hưu trí nên việc phân

công thực hiện nhiệm vụ cho đảng viên còn khó khăn; một số đảng viên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên, thiếu gương mẫu, giảm sút ý chí phấn đấu, bỏ sinh hoạt đảng; chuyển sinh hoạt đảng không nộp hồ sơ cho tổ chức đảng mới nên bị xóa tên trong danh sách đảng viên, có trường hợp làm đơn xin ra khỏi Đảng; tỷ lệ bình quân đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hàng năm chiếm 0,24%.

3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

3.1. Về việc thực hiện nguyên tắc tổ chức của Đảng

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên thường xuyên quán triệt, tự quán triệt, chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện nguyên tắc tổ chức của Đảng được cụ thể hóa tập trung ở một số nguyên tắc cơ bản sau:

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng:

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, để bảo đảm sự thống nhất, tập trung trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung rà soát, bổ sung, xây dựng Quy chế làm việc, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và cá nhân các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phân công các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy phụ trách từng lĩnh vực công tác; các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên phụ trách các ngành, địa phương, đơn vị. Đồng thời xây dựng các nghị quyết chuyên đề, chương trình công tác toàn khóa; rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định, quy chế cho phù hợp với quy định của Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết, quy định... của Trung ương. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung xây dựng kế hoạch, chương trình công tác quý, năm cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với tình hình yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ; chấp hành nghiêm quy chế làm việc và các nguyên tắc sinh

hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đề cao tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng thành viên đối với nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cũng đã rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế làm việc. Nội dung quy chế đã bám sát các quy định của Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy cấp trên và theo chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức đảng trên cơ sở các quy định của Trung ương; xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhằm điều hành, thực hiện theo quy chế, xây dựng ban hành các nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động, chương trình làm việc của cấp ủy; xác định rõ mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan; nâng cao vai trò hạt nhân lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Cấp ủy các cấp thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên thực

hiện nghiêm các nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ; trong việc bàn và quyết định các chủ trương, công tác của cấp ủy, công tác cán bộ, quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn, cấp ủy, tổ chức đảng đều thực hiện tốt nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức. Trong việc biểu quyết kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xóa tên, khai trừ, cho đảng viên ra khỏi Đảng, kỷ luật đảng viên đều thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Tuy nhiên, qua kiểm tra và đánh giá của cấp ủy, việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của một số tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc Đảng ủy còn chưa hiệu quả, chủ yếu ở loại hình doanh nghiệp; việc bổ sung quy chế làm việc còn chậm; một số ít cán bộ chủ chốt cấp ủy cơ sở vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, lạm quyền, độc đoán, nên bị xử lý kỷ luật dẫn đến chất lượng và hiệu quả hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị ở một số nơi còn yếu kém.

Việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là đợt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII)

Nội dung này được ban thường vụ cấp ủy các cấp quán triệt, triển khai nghiêm túc và thường xuyên thông qua sinh hoạt và kiểm điểm định kỳ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, là cơ sở để đánh giá, xếp loại tập thể, tổ chức đảng và cá nhân hàng năm; về chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, ý thức kỷ luật; về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Năm 2018, thực hiện hướng dẫn của Trung ương, các tập thể, cá nhân đã lấy ý kiến đánh giá của các chủ thể theo quy định, do đó việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại ngày càng có cơ sở, khách quan, thực chất hơn, từng bước nâng cao, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, ở một số cấp ủy, chi bộ việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức, chưa tạo thành nề nếp trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy; việc thực hiện mới chỉ tập trung vào dịp kiểm điểm cuối năm, trong một số đợt sinh hoạt chuyên đề. Ở một số nơi còn tình trạng không chú trọng tự kiểm điểm, phê bình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của bản thân, tổ chức mình được giao mà thường phê bình đồng chí khác, tổ chức khác hoặc có tình trạng chỉ phê bình cấp dưới mà không có phê bình cấp trên, phê bình theo hình thức, không thực chất. Do vậy, dẫn đến kết quả đạt được thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chưa cao, việc rèn luyện, tu dưỡng, khắc phục hạn chế thiếu sót của cán bộ, đảng viên, quần chúng còn qua loa, chiếu lệ, chưa sát với yêu cầu thực tiễn đạt ra.

3.2. Về tổ chức đảng, số lượng, chất lượng, cơ cấu cấp ủy viên các cấp

Việc sắp xếp hệ thống tổ chức đảng của Đảng bộ tỉnh được triển khai theo đúng quy định. Đến tháng 10/2020, Đảng bộ tỉnh có 15 cấp ủy

trực thuộc (08 đảng bộ cấp huyện, 05 đảng bộ cấp trên cơ sở, 02 đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở); có 680 tổ chức đảng (258 đảng bộ cơ sở và 422 chi bộ cơ sở); có 08 đảng đoàn và 03 ban cán sự Đảng.

Việc thực hiện củng cố, kiện toàn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư và các chức danh lãnh đạo ở các cấp được thực hiện chặt chẽ hơn, theo quy trình 5 bước.

Về chất lượng đội ngũ cấp ủy viên các cấp (tính đến ngày 30/6/2019) được thể hiện như sau:

+ *Đối với cấp cơ sở:* 3.752 cấp ủy viên. Về trình độ chuyên môn: Trên đại học - 250 đồng chí; đại học, cao đẳng - 2.564 đồng chí; trung cấp - 7.35 đồng chí. Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp - 958 đồng chí; trung cấp - 1.946 đồng chí.

+ *Đối với các huyện ủy, thị ủy, thành ủy:* 287 đồng chí. Về trình độ chuyên môn: Trên đại học - 15 đồng chí; đại học, cao đẳng - 259 đồng chí; trung cấp - 12 đồng chí. Về trình độ lý luận chính trị - cử nhân; cao cấp - 249 đồng chí; trung cấp - 37 đồng chí.

+ *Đối với cấp tỉnh*: 48 đồng chí. Về trình độ chuyên môn: Trên đại học - 15 đồng chí; đại học - 33 đồng chí. Về trình độ lý luận chính trị - cử nhân; cao cấp - 48 đồng chí.

- *Về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc*:

+ *Cấp tỉnh*: Thực hiện Quy định số 04-QĐ/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, gồm 06 cơ quan: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy.

+ *Cấp huyện*: Tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp huyện thực hiện theo Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 04/7/2012 của Ban Bí thư, gồm 05 cơ quan: Ban tổ chức, ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, văn phòng.

Đối với Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh có: Ban tổ chức, ban tuyên giáo, ủy ban kiểm tra và văn phòng đảng ủy.

Đảng bộ Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh có: Ủy ban kiểm tra đảng ủy và ban tổ chức thuộc phòng chính trị.

Đảng bộ Công an có Phòng Công tác đảng và công tác chính trị là đơn vị thực hiện chức năng văn phòng đảng ủy, công tác kiểm tra, giám sát; công tác tổ chức đảng và đảng viên.

Nhìn chung, việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định để tham mưu ban thường vụ, cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo một cách hiệu quả trên tất cả các mặt công tác.

4. Về tổ chức cơ sở đảng

Các tổ chức đảng đã có sự đổi mới phương thức, nội dung lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; đổi mới quy trình xây dựng và ban hành nghị quyết, xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy được vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Hàng năm đều xây dựng chương trình công tác cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đề ra những chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng chi bộ,

đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là việc phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, tổ đảng; tập trung lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ, nhìn chung được thuận lợi, hệ thống tổ chức cơ sở đảng luôn được củng cố, kiện toàn và phát huy có hiệu quả vai trò lãnh đạo xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo cấp ủy các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; xây dựng, thực hiện tốt quy chế làm việc, chế độ sinh hoạt đảng định kỳ, chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên. Trong sinh hoạt đã mở rộng và phát huy dân chủ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; nâng cao nhận thức, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên; tăng cường đoàn kết nội bộ. Nhiều chi bộ đã duy trì và thực hiện có hiệu quả việc sinh hoạt chuyên đề; lựa chọn những chuyên đề gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để thảo luận và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, việc sinh hoạt chi bộ hiện nay cũng còn những hạn chế nhất định như: Chất lượng nội dung sinh hoạt ở một số chi bộ chưa cao, chưa phát huy rõ nét vai trò, vị trí công tác lãnh đạo của cấp ủy chi bộ; nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng thực hiện

chưa sâu sát, biểu hiện nể nang, ngại va chạm còn phổ biến; việc tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề chưa thường xuyên, nội dung chưa thiết thực và hiệu quả; công tác học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh còn hạn chế, chưa phát triển được mô hình hay, tiêu biểu để nhân rộng; chất lượng hoạt động của một số chi bộ trong loại hình doanh nghiệp còn thấp, sinh hoạt không thường xuyên, tỉ lệ đảng viên tham dự không đầy đủ.

5. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

Thực hiện Điều lệ Đảng, gắn với việc thực hiện Quy định số 72-QĐ/TW, ngày 24/2/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam (nay là Quy định số 192-QĐ/TW, ngày 18/5/2019 của Bộ Chính trị); Quy định số 59-QĐ/TW, ngày 22/12/2016 của Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đối với cấp tỉnh đã cơ cấu đồng chí Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham gia Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cơ cấu Chỉ huy trưởng

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tham gia Đảng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh.

Đối với cấp huyện: Cơ cấu đồng chí trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự tham gia ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy. Cơ cấu đồng chí bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy; đồng chí chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tham gia sinh hoạt tại đảng bộ quân sự và đồng chí bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy giữ chức bí thư đảng ủy quân sự huyện, thị xã, thành phố.

Nhìn chung, các Đảng bộ Công an tỉnh¹⁰, Quân sự tỉnh¹¹ và Bộ đội Biên phòng tỉnh¹² đã thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Tỉnh ủy về nhiệm vụ an ninh

10 Đảng bộ Công an tỉnh: có 11 đảng bộ cơ sở, 16 chi bộ cơ sở và 67 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với 1.194 đảng viên.

11 Đảng bộ Quân sự tỉnh: Có 05 đảng bộ cơ sở, 02 chi bộ cơ sở, 01 đảng bộ phận và 64 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với 370 đảng viên”.

12 Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh: Có 06 đảng bộ cơ sở, 13 chi bộ cơ sở, và 23 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với 540 đảng viên .

chính trị, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, quân sự trong toàn tỉnh; kịp thời đề ra các chủ trương, biện pháp để xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phối hợp tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Vị trí hạt nhân chính trị và vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các lực lượng vũ trang được thể hiện rõ nét, bảo đảm cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang.

6. Về khen thưởng, kỷ luật

6.1. Công tác khen thưởng

Từ năm 2016 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xét, trao tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng cho 7.942 đảng viên; tặng cờ theo định kỳ hàng năm cho 15 đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền; tặng bằng khen theo định kỳ cho 63 chi bộ, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền và 362 đảng viên xuất

sắc 5 năm liền; tặng bằng khen đột xuất cho 01 tổ chức đảng có thành tích đặc biệt xuất sắc.

Việc thẩm định, xét tặng huy hiệu Đảng được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Tuy nhiên, ở một số cấp ủy trong quá trình thực hiện việc xét, đề nghị tặng huy hiệu Đảng còn có tình trạng trùng lặp, để sót.

6.2. Công tác kỷ luật

Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 6/2019, cấp ủy, ban thường vụ cấp huyện và tương đương đã thi hành kỷ luật đối với 05 tổ chức đảng (*khiển trách: 02; cảnh cáo: 03*) và 54 đảng viên (*khiển trách: 35; cảnh cáo: 14; cách chức: 01; khai trừ: 04*). Nội dung vi phạm chủ yếu việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nguyên tắc tập trung dân chủ; đoàn kết nội bộ; những điều đảng viên không được làm.

Nhìn chung, việc xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được các cấp xem xét, quyết định đúng thẩm quyền, phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục đảm bảo tính dân chủ, công khai trong quá trình xem

xét, xử lý, đem lại hiệu quả giáo dục cán bộ, đảng viên; ngăn ngừa sai phạm; giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp đảng viên bị xử lý kỷ luật, nhưng không thống nhất mức bị xử lý nên có khiếu nại, do đó cấp có thẩm quyền phải quyết định giảm hình thức kỷ luật.

7. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh có 08 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng; Điều lệ Đảng khóa XII đã quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ lãnh đạo công tác kiểm tra, không trực tiếp làm nhiệm vụ kiểm tra để phù hợp với thực tiễn hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng (không có cơ quan giúp việc). Theo hướng dẫn của Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm của từng thành viên thông qua việc xây dựng và ban hành quy chế làm việc nhằm xác định và bảo đảm vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính

trị - xã hội; hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng đã có chuyển biến rõ nét. Nhìn chung, các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã thực hiện được chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

Tuy nhiên, dù đã xây dựng quy chế làm việc nhưng việc thực hiện, phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động, quy chế phối hợp giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy và lãnh đạo ở một vài đơn vị vẫn còn chồng chéo, trùng lặp; chưa phân biệt rõ vị trí, vai trò của cấp ủy đảng với ban cán sự, đảng đoàn, do đó khi thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng, bị động.

8. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Xác định rõ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị tin cậy, cánh tay đắc lực của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên quan tâm chỉ đạo củng cố tổ chức và đẩy mạnh các hoạt động phong trào tuổi trẻ rộng khắp, tạo điều kiện để đoàn thanh

niên phát huy vai trò xung kích trong các hoạt động, trọng tâm là thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Định kỳ hàng quý, thường trực cấp ủy làm việc với ban thường vụ đoàn thanh niên; từng bước đưa hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo cấp ủy, cơ quan, đơn vị với đoàn thanh niên trở thành hoạt động thường xuyên, qua đó nắm tình hình hoạt động, định hướng và chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn.

Tuy nhiên, thực tiễn đặt ra hiện nay đó là: Phương thức hoạt động của đoàn thanh niên đang lúng túng, cần được đổi mới; các hoạt động, phong trào Đoàn chưa mang tính chiều sâu, cụ thể, thiếu tính thiết thực, mới chỉ dừng lại ở các hoạt động đơn lẻ, phong trào bề nổi. Do vậy, các hoạt động, phong trào Đoàn chưa có sức lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội, chưa thu hút, lôi kéo được đông đảo đoàn viên, thanh niên hưởng ứng tham gia hoặc tham gia một cách thụ động, chiếu lệ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác xây dựng Đảng; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ tỉnh hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ hàng năm và trong nhiệm kỳ. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thực sự là trung tâm đoàn kết của Đảng bộ tỉnh; quan hệ đoàn kết, thống nhất với các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, ban hành Quy chế làm việc để điều hành công việc. Phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã được đổi mới theo hướng thực hành dân chủ, sâu sát với cơ sở. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã có ý thức rèn luyện, tu dưỡng, không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, lý luận và xây dựng đảng về đạo đức được coi trọng và tăng cường. Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Từng bước thực hiện bổ sung, hoàn thiện, đổi mới các khâu trong công tác cán bộ như tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và thực hiện chính sách cán bộ theo đúng quy trình, quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo yêu cầu về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu và có tính kế thừa và phát triển. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ về cơ bản thực hiện theo quy hoạch. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được chú trọng, xem đây là nhiệm vụ quan trọng để giữ vững nguyên tắc lãnh đạo, sự nghiêm minh của Đảng. Công tác dân vận được tiếp tục đổi mới và đi vào chiều sâu; khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng và phát huy; nội dung và phương thức hoạt động

của Mặt trận, các đoàn thể ngày càng đổi mới. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đạt được những kết quả nhất định trong việc ngăn chặn và xử lý tham nhũng. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng được nâng lên. Những kết quả trên đã tác động tích cực trong dư luận xã hội, tạo lòng tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần thúc đẩy các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Một số ít tổ chức đảng, cấp ủy chưa thực sự coi việc triển khai, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa đổi mới nhiều về nội dung và hình thức nên tính chiến đấu, hiệu quả chưa cao. Kết quả thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa đều và chưa vững chắc; chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên

chức về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tuy có nhưng chưa cao; tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chuyển biến chậm.

- Công tác tuyên truyền, nhất là tuyên truyền trực quan tại một số địa phương, đơn vị còn thiếu, chưa kịp thời. Việc phát hiện, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến còn ít, thiếu thuyết phục.

- Việc nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội còn nhiều hạn chế, nên nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa giải quyết hiệu quả.

- Việc phát hiện, nắm bắt vấn đề chính trị hiện nay, nhất là nhận diện và xử lý đối với những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong nội bộ Đảng còn gặp nhiều khó khăn. Vai trò nêu gương của một số cán bộ, đảng viên, người đứng đầu chưa tốt, thiếu gương mẫu trong công tác và sinh hoạt.

- Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội tuy đã được đổi

mối nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu, lợi ích của đoàn viên, hội viên; hoạt động phong trào thiếu tính hấp dẫn, thu hút đoàn viên, hội viên tham gia; công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền còn ít.

- Một số tổ chức cơ sở đảng năng lực lãnh đạo còn hạn chế, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ; công tác lãnh đạo, quản lý đảng viên của một số ít cấp ủy cơ sở có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên; chất lượng cụ thể hóa nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên còn hạn chế, thiếu sáng tạo. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị tại một số cấp ủy chi bộ còn ít; gặp nhiều khó khăn trong việc nhận diện sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên, nhất là các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, lợi dụng quyền hạn để vụ lợi. Qua kiểm điểm, đánh giá cán bộ, công chức, phân loại đảng viên hàng năm và tiến hành kiểm tra đảng viên theo Khoản 2, Điều 30, Điều lệ Đảng, hầu như không phát hiện được bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái nêu trên.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) ở một số cấp ủy còn lúng túng, trông chờ, ỷ lại. Bản đăng ký học tập và làm theo Bác của một số cán bộ, đảng viên còn chung chung, chưa sát với chức trách, nhiệm vụ công tác; vẫn còn tình trạng sao chép nội dung đăng ký, ít có tính sáng tạo trong cách làm; bản đăng ký chưa được cấp ủy, chi bộ góp ý, bổ sung.

- Chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ một số nơi còn hạn chế, chưa thường xuyên đưa nội dung thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW vào sinh hoạt chi bộ định kỳ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Phương hướng

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, đòi hỏi phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; khẳng định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững. Phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, “xây dựng văn hóa trong Đảng”. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải góp phần quan trọng vào việc củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025

2.1. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị: Đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, lý tưởng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Nghiên cứu chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để cụ thể hóa thành các chương trình, chỉ thị, nghị quyết của tỉnh theo hướng sát thực tiễn, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thường xuyên lắng nghe, tranh thủ sự góp ý của cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tầng lớp trí thức trong thực hiện các chủ trương lớn của tỉnh. Thường xuyên sơ kết, tổng kết các chương trình, chỉ thị, nghị quyết của tỉnh và căn cứ thực tiễn để tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ.

2.2. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị: Nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, chính trị cho cán bộ, đảng viên, chú trọng những cán bộ chủ chốt

các cấp. Chủ động triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận; chủ động đấu tranh, phản bác với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kịp thời định hướng công tác tư tưởng, hướng dẫn tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ an ninh, trật tự, giữ vững ổn định chính trị; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

2.3. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức:
Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; kịp thời biểu dương và nhân rộng các gương điển hình trong Đảng bộ. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu và cán bộ, đảng viên

trong xây dựng Đảng về đạo đức; xây dựng và hoàn thiện chuẩn mực đạo đức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và địa phương. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát; giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

2.4. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ theo hướng sát thực tiễn; các nghị quyết, chỉ đạo phải có mục tiêu rõ ràng, giải pháp khả thi, có phân công cơ quan chủ trì, phối hợp, thời gian hoàn thành và bố trí nguồn lực thực hiện. Thực hiện tốt Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Phát huy tốt dân chủ trong Đảng, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Tiếp tục thực hiện tốt phương châm “*tỉnh sát xã, huyện sát thôn, tổ dân phố; xã, phường sát từng hộ dân*”.

2.5. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Tiếp tục đẩy mạnh thực

hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) và các kết luận, kế hoạch của Trung ương.

2.6. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên: Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, đảm bảo xây dựng đội ngũ cấp ủy các cấp là những đồng chí thực sự có đạo đức, uy tín, năng lực.

2.7. Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Thực hiện tốt việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp theo Nghị

quyết Trung ương 7 (khóa XII); chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo Quy định số 89-QĐ/TW, số 90-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị. Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy định phân cấp quản lý cán bộ, Quy định về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo Quy định số 105-QĐ/TW của Bộ Chính trị; thường xuyên thực hiện công tác luân chuyển cán bộ để chuẩn bị cán bộ dự nguồn cho nhiệm kỳ 2020 - 2025. Chăm lo hơn nữa đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tạo môi trường làm việc thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức phát huy năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 18/8/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay.

2.8. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng: Xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm; đồng thời chú trọng kiểm tra, giám sát công tác

cán bộ, người đứng đầu ở các địa bàn, lĩnh vực dễ nảy sinh vi phạm, tiêu cực. Tăng cường nắm tình hình, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm, nhất là cấp ủy viên cùng cấp, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, kịp thời ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; xử lý dứt điểm các vi phạm sau kết luận kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng và các đơn thư tố cáo liên quan đến cán bộ, đảng viên; kịp thời xử lý đối với đảng viên và tổ chức đảng vi phạm.

2.9. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền đạt hiệu quả; nắm bắt và giải trình thỏa đáng những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân.

2.10. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng: Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 82-KL/TW, ngày 16/8/2010 của Bộ Chính trị về cải cách các thủ tục hành chính trong Đảng, trong đó đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; giảm bớt giấy tờ, hội họp để tiết kiệm kinh phí.

2.11. Cùng với việc thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hai nhiệm vụ trọng tâm và ba giải pháp đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025:

- *Hai nhiệm vụ trọng tâm:* (1) Tiếp tục đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; (2) Đổi

mới căn bản và toàn diện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- *Ba giải pháp đột phá:* (1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về công tác xây dựng Đảng; (2) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; (3) Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	1
Kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết số 08-NQ/TU, 09-NQ/TU, 10-NQ/TU, ngày 11/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế Vân Phong, thành phố Nha Trang và khu vực vịnh Cam Ranh giai đoạn 2016 - 2020	3
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020	42
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 04/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020	54
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020	74
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 11/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020	102
Công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng	121
	203

TÀI LIỆU

**BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH ỦY
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG ĐẢNG**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
Trưởng ban: **HỒ VĂN MỪNG**

Ban biên soạn:
**TRẦN VĂN THẮNG
TRẦN MỘNG ĐIỆP
LƯU HỒNG VÂN
NGUYỄN THỊ THANH HẢI
PHẠM THỊ HỒNG THU
NGUYỄN THỊ SÂM
TRỊNH HOÀNG HIỆP
PHAN TẤN THANH
NGUYỄN QUỐC VIỆT**

Sửa bản in:
**QUỐC VIỆT
BÍCH NHUNG**

Trình bày:
PHƯƠNG CHI

In 500 quyển, khổ 13 x 19cm
tại Công ty TNHH Thương mại In & Sản xuất Cát Thành, số 25A Khu B,
số 2 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang.
Giấy phép xuất bản số 137/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Khánh Hòa cấp ngày 25/11/2020.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2020.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN